TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00237

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09111001	NGUYỄN THÀNH	AN	DH09CN				0	5
2	08141066	HUỲNH ĐỨC KIM	ANH	DH08NY	1		3,5	3	5
3	07114002	NGUYỄN ĐÌNH	BẢO	DH08LN	1		3,9	3	9
4	08114122	HỒ HỮU	CHUNG	DH08LN	1		2,6	2	6
5	07114004	PHAN VĂN	CÔNG	DH08LN	1		3,6	3	6
6	09111005	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	DH09CN	2		7,0	7	0
7	09111008	ĐỖ VĂN	DŨNG	DH09CN	1		6,3	6	3
8	09111009	DIỆP BẢO	DƯƠNG	DH09CN	1		6,7	6	7
9	09111013	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	DH09CN	1		4,6	4	6
10	09111018	VŨ VĂN	HIỂN	DH09CN	1		6,0	6	0
11	09111022	ĐẶNG VĂN	HUYỀN	DH09CN	1		1,0	1	0
12	07111194	BÙI THỊ GIAO	LINH	DH08TA	1		0,3	0	3
13	08155003	TRỊNH XUÂN	LỢI	DH08KT	1		1,4	1	4
14	09111024	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	DH09CN	1		5,6	5	6
15	09111030	NGUYỄN QUỐC	NHẬT	DH09CN	1		2,5	2	5
16	09111034	LÊ HỮU	PHƯỚC	DH09CN	1		3,9	3	9
17	08114166	PHẠM MINH	RỐT	DH08LN	1		3,3	3	3
18	07139176	TRẦN THANH	SANG	DH08HH	2		7,7	7	7

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THỊ ÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **00237**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

n Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
	08161159	HOÀNG VĂN	SƠN	DH08TA	1		2,5	2	5
	07114045	TRẦN QUỐC	SƠN	DH08LN	2		3,7	3	7
	08161177	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	DH08TA	1		1,5	1	5
	07114051	PHAN NGUYÊN	THẮNG	DH08LN	1		2,0	2	0
	08147189	QUÁCH TRUNG	THÔNG	DH08QR	1		4,0	4	0
	08114153	PHẠM VĂN	THUẦN	DH08LN	1		3,3	3	3
	08141060	LÊ THÀNH	TRÍ	DH08NY					
	08114094	PHAN THẾ	TRUNG	DH08LN	1		2,6	2	6

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00252

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV319 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
	09130001	HOÀNG GIA	AN	DH09DT	2		7,0	7	0
	09123004	TRẦN THỊ VÂN	ANH	DH09KE	1		5,6	5	6
	09130004	VY VĂN	BIỂN	DH09DT	1		4,9	4	9
	09130005	LƯỜNG BÁ	CHUNG	DH09DT	2		6,7	6	7
	09130009	TRỊNH VĂN	CHƯƠNG	DH09DT	2		6,3	6	3
	09130010	HỒ VĂN	CÔNG	DH09DT	2		4,6	4	6
	09130011	PHAN PHÚ	CƯỜNG	DH09DT	1		6,3	6	3
	09130012	NGUYỄN THỊ	DIỄM	DH09DT	2		5,9	5	9
	09130013	TRẦN THỊ	DINH	DH09DT	2		7,4	7	4
	09130015	PHẠM HOÀNG	DŨ	DH09DT	2		4,6	4	6
	09130016	DƯƠNG TUẤN	DŨNG	DH09DT	1		4,4	4	4
	09113211	LƯU THỊ	DƯ	DH09KE	2		5,9	5	9
	09123050	NGUYỄN THỊ ÁNH	HỒNG	DH09KE	1		4,7	4	7
	09121003	TRƯƠNG DIỄM	HUYỀN	DH09KT	2		7,7	7	7
	09124039	ĐẶNG HOÀNG	KHƯƠNG	DH09QL					
	09111048	BÙI XUÂN	LỘC	DH09CN					
	09111035	NGUYỄN THÀNH	TÂN	DH09CN	2		5,7	5	7
	09113122	NGUYỄN NGỌC	THẠCH	DH09NH	2		6,3	6	3

Cán bộ coi thi 1&2

Võ T. Bảo Tuyết

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00252

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - **phút** Phòng thi PV319 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09123166	VÕ THỊ BÍCH	THU	DH09KE	1		8,4	8	4
20	09115054	DƯƠNG THỊ	THƯỜNG	DH09CB	1		3,6	3	6
21	09111039	PHAN ĐÌNH NINH	TIẾN	DH09CN	1		1,4	1	4
22	09111043	LÊ ANH	TRUNG	DH09CN	1		3,6	3	6
23	09111046	NGUYỄN THANH	TUẤN	DH09CN	1		1,6	1	6
24	09111047	NGUYỄN THỊ THU	TUYỀN	DH09CN	2		7,7	7	7
25	09125211	LÊ QUANG	VINH	DH09BQ	1		6,0	6	0
26	09120032	NGUYỄN THỊ	XUÂN	DH09KT	2		5,2	5	2

02

Cán bộ coi thi 1&2

VSH Bạch Tuyết

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00253

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09130106	TRẦN QUỐC	BẢO	DH09DT	1		2,8	2	8
2	09130108	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	DH09DT	1		1,3	1	3
3	09130017	ĐẶNG NAM	DŨNG	DH09DT	1		1,4	1	4
4	09130018	TRANG NGỌC	DŨNG	DH09DT	1		4,9	4	9
5	09130109	TRẦN NGỌC	DUYÊN	DH09DT	1		3,9	3	9
6	09130021	ĐOÀN HỒNG	GIÚP	DH09DT	1		3,2	3	2
7	09130022	NGUYỄN THANH	HẢI	DH09DT	1		5,6	5	6
8	09130025	ĐỖ ĐƯỜNG	HIỆP	DH09DT	1		6,0	6	0
9	09130030	DỖ MẠNH	HÙNG	DH09DT	1		2,5	2	5
10	09130031	HOÀNG MINH	HÙNG	DH09DT	1		7,0	7	0
11	09130032	ĐÀO DUY	HƯNG	DH09DT	1		4,8	4	8
12	09130033	VÕ QUỐC	HƯNG	DH09DT	1		5,3	5	3
13	09130037	NGÔ VĂN	KHÁI	DH09DT	1		1,0	1	0
14	09130035	TRẦN NGUYỄN THÁI	KHANG	DH09DT	2		9,1	9	1
15	09139064	BẠCH THỊ	KIM	DH09HH	2		6,7	6	7
16	09130038	TRẦN VĂN	LẠI	DH09DT					
17	09130115	ĐÀO THỊ NGỌC	LAN	DH09DT	1		8,4	8	4
18	09130039	LÊ TRƯỜNG MỸ	LINH	DH09DT	1		0,8	0	8

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00253

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09130040	NGUYỄN VŨ	LINH	DH09DT	1		4,6	4	6
20	09130118	NGUYỄN VĂN	LONG	DH09DT	1		4,0	4	0
21	09130042	BÙI MINH	LỘC	DH09DT	2		7,0	7	0
22	09130043	NGUYỄN THÀNH	LỘC	DH09DT	1		6,3	6	3
23	09130045	PHAN NGUYỄN	LỢI	DH09DT	1		4,6	4	6
24	09130049	BÙI TẤN	LỰC	DH09DT	1		4,9	4	9
25	09135035	NGUYỄN THỊ THIÊN	LÝ	DH09TB	1		2,2	2	2
26	09130051	THẠCH MI	NA	DH09DT	1		5,2	5	2
27	09130056	PHẠM HỮU	NGHĨA	DH09DT	1		3,5	3	5
28	09130060	HUỲNH MINH	NGÔN	DH09DT	1		7,0	7	0
29	09130062	PHẠM THỊ DIỆU	OANH	DH09DT	1		1,6	1	6
30	09130065	TRẦN CHÂU	PHI	DH09DT	1		6,6	6	6
31	09130066	NGUYỄN THẾ	PHONG	DH09DT	1		3,9	3	9
32	09130067	VÕ MINH	PHỤNG	DH09DT	1		3,8	3	8
33	09130123	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	DH09DT	2		5,6	5	6
34	09130070	VÕ LÊ HẢI	QUANG	DH09DT	1		5,6	5	6
35	09130071	BÙI MINH	QUỐC	DH09DT	2		8,0	8	0
36	09130072	ĐOÀN PHÚ	QUỲNH	DH09DT	1		0,6	0	6

Cán bộ coi thi 1&2

H T Thu Thảo

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00253

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09130073	ĐỖ THẾ	QUỲNH	DH09DT	1		3,2	3	2
38	09130126	TRẦN QUANG	TẠ	DH09DT					
39	09130075	LÊ THANH	TÂM	DH09DT	1		3,2	3	2
40	09130076	LÊ VÕ MINH	TÂM	DH09DT	2		7,3	7	3
41	09130077	NGUYỄN NGỌC	TÂN	DH09DT	2		8,7	8	7
42	09130078	LÊ NGUYÊN	THÁI	DH09DT	1		3,2	3	2
43	09130080	LƯU VĂN	THẮNG	DH09DT	1		3,1	3	1
44	09130083	TRẦN VĂN	THIỆP	DH09DT	2		5,6	5	6
45	09130085	ĐỖ TRẦN	THUẬN	DH09DT	1		5,6	5	6
46	09130087	NGUYỄN VĂN	TOÀN	DH09DT	1		2,2	2	2
47	09130090	PHAN HỮU	TRÍ	DH09DT					
48	09130098	HOÀNG TUẤN	TÚ	DH09DT					
49	09130093	THẠCH THANH	TUẤN	DH09DT	1		5,2	5	2
50	09130100	LÊ THỊ TUYẾT	VÂN	DH09DT	2		8,0	8	0
51	09135067	LÊ ANH	VŨ	DH09TB	1		3,9	3	9
52	09130133	LÊ MINH	VƯƠNG	DH09DT	1		8,0	8	0

Có mặt : 48
Vắng : 57

Cán bộ coi thi 1&2

N. T. Thu Thảo

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Thị Đức

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00254

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV327 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 004 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09363012	LÝ THỊ THÚY	AN	CD09CA				0	0
2	09363014	LÊ THỊ	ANH	CD09CA	02		4,9	4	9
3	09363015	NGUYỄN HOÀNG	ANH	CD09CA	02		5,6	5	6
4	09363016	NGUYỄN THỊ HOÀNG	ANH	CD09CA				0	0
5	09363017	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	CD09CA	01		6,0	6	0
6	09363019	PHAN THỊ ĐÀO	ANH	CD09CA				0	0
7	09363026	LÊ VĂN	BẮC	CD09CA	01		4,2	4	2
8	09363028	PHAN THỊ NGỌC	BÍCH	CD09CA	01		3,6	3	6
9	09363027	PHAN THỊ NGỌC	BIỂN	CD09CA	02		4,6	4	6
10	09363030	TRƯƠNG THỊ MỘNG	CẦM	CD09CA	01		3,5	3	5
11	09363031	LÊ THỊ HỒNG	CHÂU	CD09CA	02		5,3	5	3
12	09363033	NGUYỄN THỊ DIỄM	CHÂU	CD09CA	02		4,2	4	2
13	09363036	BÙI THỊ XUÂN	DIỄM	CD09CA	01		2,5	2	5
14	09363038	PHẠM THỊ NHẬT	DIỄM	CD09CA	01		4,2	4	2
15	09363040	HUỲNH THỊ MỸ	DIỆU	CD09CA	01		4,6	4	6
16	09363042	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	CD09CA	01		3,8	3	8
17	09363043	QUÁCH THỊ	DUNG	CD09CA	01		5,0	5	0
18	09363045	TRẦN THỊ	DUYÊN	CD09CA	01		3,3	3	3

Cán bộ coi thi 1&2

Lê T.M. Thảo

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00254

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV327 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 004 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09363046	VÕ THỊ	DUYÊN	CD09CA	02		2,9	2	9
20	09161030	HUỲNH THỊ	GẤM	DH09TA	01		6,0	6	0
21	09162020	ĐỖ ĐẶNG TRƯỜNG	GIANG	DH09GI	01		3,7	3	7
22	09150022	TRƯƠNG THỊ BĂNG	GIANG	DH09TM	01		3,2	3	2
23	09363070	LÊ THỊ THÚY	HẰNG	CD09CA	01		3,9	3	9
24	09153004	NGUYỄN CÔNG	HẬU	DH09CD	01		3,8	3	8
25	09154067	LÊ MINH	HIẾU	DH09OT	01		4,9	4	9
26	09363081	TRỊNH THỊ MỸ	HOÀN	CD09CA	01		8,0	8	0
27	09153087	TRẦN THÁI	HOÀNG	DH09CD	01		4,4	4	4
28	09363091	NGÔ THỊ XUÂN	HƯƠNG	CD09CA	01		5,6	5	6
29	09363105	NGUYỄN THỊ BÍCH	LIÊN	CD09CA	01		3,6	3	6
30	09363108	ĐÀO THỊ PHI	LINH	CD09CA	01		3,6	3	6
31	09139092	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	DH09HH	01		7,2	7	2
32	09161074	NGUYỄN MINH	LUÂN	DH09TA	1		2,2	2	2
33	09150062	HUỲNH KIM	MỸ	DH09TM	1		3,6	3	6
34	09363124	NGUYỄN THỊ	NGA	CD09CA	1		2,5	2	5
35	09139109	NGUYỄN THỊ	NGHĨA	DH09HH	01		4,9	4	9
36	09161091	TÔNG HOÀNG	NGỌC	DH09TA	02		8,1	8	1

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00254

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV327 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 004 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09363140	TRẦN THỊ CẨM	NHUNG	CD09CA	1		3,7	3	7
38	09363144	BÙI PHẠM NGỌC	NỮ	CD09CA	1		4,4	4	4
39	09363147	NGUYỄN HỒ VĨNH	PHÚ	CD09CA					
40	09139127	HUỲNH HỮU	PHÚC	DH09HH					
41	09363154	VÕ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	CD09CA	1		2,9	2	9
42	09139136	LƯU THỊ	PHƯỢNG	DH09HH	1		4,9	4	9
43	09363158	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	CD09CA	2		6,3	6	3
44	09139253	NÀNG XUÂN	QUANG	DH09HH	1		6,0	6	0
45	09153022	NGUYỄN TIẾN	QUYẾT	DH09CD	1		5,6	5	6
46	09139144	TRẦN VŨ MINH	SANG	DH09HH	1		6,3	6	3
47	09139145	NGUYỄN THỊ	SÂM	DH09HH	1		8,7	8	7
48	09161132	VÕ THANH	SƠN	DH09TA	1		6,7	6	7
49	09139149	ĐẶNG CAO	SƯƠNG	DH09HH	1		5,0	5	0
50	09363169	TRẦN THỊ THU	SƯƠNG	CD09CA	1		3,9	3	9
51	09161136	LẠI MẠNH	TÂN	DH09TA	1		6,0	6	0
52	09161147	NGUYỄN ĐÌNH	THẠCH	DH09TA	1		7,0	7	0
53	09155009	LÊ MINH	THẢO	DH09KT	2		7,0	7	0
54	09162019	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	THẢO	DH09GI	2		7,7	7	7

Cán bộ coi thi 1&2

Lê T. M-Trúc

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00254

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV327 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 004 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09363185	MAI CHIẾN	THẮNG	CD09CA	1	[signature]	3,6	3	6
56	09363193	SIÊU THỊ KIM	THOA	CD09CA	1	[signature]	7,0	7	0
57	09363197	NGUYỄN THỊ	THU	CD09CA	1	[signature]	2,2	2	2
58	09142113	NGUYỄN THỊ THIỆN	TRÀ	DH09DY	1	[signature]	3,6	3	6
59	09363283	NGUYỄN THỊ	TRANG	CD09CA	1	[signature]	2,8	2	8
60	09363229	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	CD09CA	2	[signature]	5,7	5	7
61	09363247	VÕ NGỌC ÁNH	TUYẾT	CD09CA	2	[signature]	3,6	3	6
62	09161185	TRẦN DUY	VẠN	DH09TA	2	[signature]	7,4	7	4
63	09161188	HUỲNH CÔNG	VINH	DH09TA	1	[signature]	3,2	3	2
64	09363265	LÊ THỊ	XUÂN	CD09CA	1	[signature]	6,0	6	0

Cán bộ coi thi 1&2

[signature] Lê T. M. Trúc [signature] Trần ngọc Thoa

Duyệt của Trưởng Bộ môn

[signature] Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

[signature] Đặng Thị Đạt

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00238

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09139005	PHẠM THỊ VÂN	ANH	DH09HH	2		5,9	5	9
2	09139018	DƯƠNG THỊ MỘNG	CỦA	DH09HH					
3	07119010	VŨ ĐỨC	CƯỜNG	DH08CK			0,0	0	0
4	09139024	ĐÀO MAI	DUYÊN	DH09HH					
5	08145012	ĐÀO UYÊN TRẦN	ĐA	DH08BV	2		4,4	4	4
6	09139030	HỒ TẤN	ĐẠT	DH09HH			3,9	3	9
7	09139044	NGUYỄN NGỌC THÚY	HÀ	DH09HH			3,3	3	3
8	09139054	PHẠM ĐỨC	HẬU	DH09HH			4,9	4	9
9	08141087	PHAN VĂN	HIẾN	DH08NY			5,2	5	2
10	09130026	NGUYỄN THỊ	HOA	DH09DT			5,0	5	0
11	09118006	VÕ SÁ	HOÀNG	DH09CK					
12	08145030	CHÂU THIỆN	HỘI	DH08BV			5,0	5	0
13	09112050	NGUYỄN THỊ BÍCH	HỢP	DH09TY			4,7	4	7
14	08141021	NGUYỄN ĐĂNG	HÙNG	DH08NY	2		2,8	2	8
15	09139073	PHẠM THỊ DIỄM	HƯƠNG	DH09HH					
16	09112071	TRƯƠNG ĐĂNG	KHOA	DH09TY			3,6	3	6
17	09121019	MAI NGỌC	LAN	DH09KM					
18	09139094	HÀ ĐẠI	LỘC	DH09HH			3,2	3	2

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Thị Yến Trần Trung Chữ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00238

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ên Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
9	09130048	NGUYỄN TRƯỜNG HUY	LUẬT	DH09DT			3,5	3	5
0	09112096	LÊ VƯƠNG NHẬT	MY	DH09TY			8,7	8	7
1	09123095	NGUYỄN THỊ	NGỌC	DH09KE			6,9	6	9
2	09130059	PHẠM BÁ	NGỌC	DH09DT			6,7	6	7
3	09123104	NGUYỄN THỊ MỸ	NHÂN	DH09KE			4,6	4	6
4	07153029	LÝ VĂN	PHẤN	DH08CD			5,5	5	5
5	07111224	LÊ NGỌC	PHI	DH08TA			1,7	1	7
6	09137012	THÂN THẾ	PHONG	DH09NL			1,0	1	0
7	08112209	NGUYỄN HỮU	PHÚC	DH08TY			1,4	1	4
8	08130120	NGUYỄN VĂN	QUÂN	DH08DT			4,2	4	2
9	09121009	BÙI THỊ	QUẾ	DH09KM	2		7,4	7	4
0	09130082	TRẦN BÁO	THẮNG	DH09DT			4,3	4	3
1	09123146	VŨ THỊ	THÂN	DH09KE	2		7,7	7	7
2	08143026	NGUYỄN THỊ	THÊM	DH08KM	2		4,0	4	0
3	08145089	PHẠM TUẤN	THÔNG	DH08BV				0	
4	09123164	VÕ THỊ THU	THỦY	DH09KE	2		6,3	6	3
5	09130086	NGUYỄN DUY	THƯƠNG	DH09DT	2		4,0	4	0
6	09123172	HOÀNG THỊ THÚY	TRANG	DH09KE	2		7,7	7	7

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Thị Yến Trần Trung Chín

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. NGÔ THIÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Thị Đào

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00238

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

n Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
7	09137019	VÕ PHƯỚC VINH	DH09NL			2,0	2	0

có bài : 31
có tờ : 40

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm thị yến Trần Trung Chân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Thị Dư

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00259

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09150004	BÙI THỊ	ÁI	DH09TM	1		8,0	8	0
2	09150001	CHẾ HỒNG DUY	AN	DH09TM	2		8,0	8	0
3	09143002	PHAN THỊ VIỆT	ANH	DH09KM	2		7,0	7	0
4	09143048	PHÙNG VÕ THỊ TRÂM	ANH	DH09KM	1		7,7	7	7
5	09143049	TÔ THỊ NGỌC	ANH	DH09KM	1		6,4	6	4
6	09143003	LÊ THỊ HOA	BAN	DH09KM	2		7,3	7	3
7	09143050	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	BÌNH	DH09KM	1		6,0	6	0
8	09150006	THÁI SÁ	BÌNH	DH09TM	1		3,2	3	2
9	09143005	NGUYỄN VĂN	BRAXIN	DH09KM	2		8,3	8	3
10	09150007	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHI	DH09TM	2		8,1	8	1
11	09150008	PHAN HOÀNG THANH T	CHI	DH09TM	1		6,3	6	3
12	09143051	QUẢNG TRỌNG	CHÍNH	DH09KM	2		7,4	7	4
13	09150009	PHAN THỊ	DIỄM	DH09TM	2		8,0	8	0
14	09143007	NGUYỄN TUẤN	DŨ	DH09KM	2		4,7	4	7
15	09143054	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	DH09KM	1		4,7	4	7
16	09142015	NGUYỄN THỊ KIM	DUYÊN	DH09DY	2		6,6	6	6
17	09143008	VĂN LỘC	ĐẠT	DH09KM	2		6,7	6	7
18	09143055	TRẦN THỊ MỸ	ĐIỆP	DH09KM	1		5,1	5	1

Cán bộ coi thi 1&2

Diệp Thanh Tùng

Võ Hồ Vũ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00259

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09143058	HỒ THỊ THANH	HIỀN	DH09KM	1		5,3	5	3
20	09143092	NGUYỄN THỊ MINH	HIỀN	DH09KM	1		6,7	6	7
21	09143059	NGUYỄN THỊ ÁNH	HỒNG	DH09KM	1		8,0	8	0
22	09143013	HOÀNG THỊ	HUYỀN	DH09KM	2		5,3	5	3
23	09143015	HUỲNH THỊ YẾN	KHOA	DH09KM	2		4,9	4	9
24	09143062	DƯƠNG THỊ MỸ	LAN	DH09KM	1		3,3	3	3
25	09143016	DƯƠNG PHƯƠNG	LANH	DH09KM	2		5,0	5	0
26	09143017	HUỲNH CAO TRÚC	LINH	DH09KM	2		5,6	5	6
27	09143063	TRẦN BẢO	LINH	DH09KM	1		5,6	5	6
28	09143089	TRẦN THỊ PHƯƠNG	LINH	DH09KM	1		2,9	2	9
29	09143064	TRẦN THỊ NGỌC	LOAN	DH09KM	2		7,7	7	7
30	09143065	TRẦN NGỌC	LONG	DH09KM	2		6,0	6	0
31	09143019	NGUYỄN THỊ YẾN	LY	DH09KM	1		6,3	6	3
32	09142058	LÊ THỊ	MAI	DH09DY	1		4,3	4	3
33	09143066	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	DH09KM	1		4,2	4	2
34	09143067	BÙI THỊ	NGÂN	DH09KM	2		6,0	6	0
35	09143068	DƯƠNG THỊ THU	NGÂN	DH09KM	1		5,6	5	6
36	09139107	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	DH09HH	2		7,7	7	7

Cán bộ coi thi 1&2

Diệp Thanh Tùng

Vương Hà Vũ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00259

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09143022	NGUYỄN THỊ THÚY	NGỌC	DH09KM	2		5,3	5	3
38	09143025	LÊ THANH	NHẬT	DH09KM	2		3,6	3	6
39	09143070	ĐẶNG THỊ HỒNG	NHO	DH09KM	2		5,3	5	3
40	09143072	KHUẤT PHƯƠNG	PHI	DH09KM	1		6,7	6	7
41	09139122	NGUYỄN THANH	PHÚ	DH09HH	1		3,9	3	9
42	09139133	ĐÀO TRẦN MỸ	PHƯƠNG	DH09HH	1		7,3	7	3
43	09143073	HỒ THỊ LAN	PHƯƠNG	DH09KM	2		8,4	8	4
44	09143074	TRẦN HOÀNG UYÊN	PHƯƠNG	DH09KM	2		7,0	7	0
45	09139139	TRẦN HOÀNG	PHƯƠNG	DH09HH	2		5,7	5	7
~~46~~	~~09143028~~	~~TRẦN NHẬT~~	~~QUANG~~	~~DH09KM~~	X				
47	09143075	NGUYỄN VĂN	SANG	DH09KM	2		7,7	7	7
48	09143029	NGUYỄN THỊ KIM	SƠN	DH09KM	2		7,0	7	0
49	09143078	NGUYỄN THỊ ĐAN	THANH	DH09KM	2		6,7	6	7
50	09139163	PHẠM TIẾN	THÀNH	DH09HH	1		1,4	1	4
51	09139164	TRẦN XUÂN	THÀNH	DH09HH	1		4,9	4	9
~~52~~	~~09142099~~	~~TRẦN HỮU~~	~~THANH~~	~~DH09DY~~	X				
53	09143031	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÔNG	DH09KM	1		5,7	5	7
54	09143079	ĐỖ THỊ	THÚY	DH09KM	1		7,0	7	0

Cán bộ coi thi 1&2

Vương Hồ Vũ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00259

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09143080	NGUYỄN THỊ	THÚY	DH09KM	1		4,2	4	2
56	09139179	ĐỒNG THỊ	THƯƠNG	DH09HH	1		3,3	3	3
57	09143032	LÊ THỊ	THƯƠNG	DH09KM	2		4,3	4	3
58	09139181	TRẦN VĂN HOÀI	THƯƠNG	DH09HH	1		3,6	3	6
59	09143082	ĐOÀN THỊ ĐOAN	TRANG	DH09KM	2		3,2	3	2
60	09139193	NGUYỄN THỊ	TRANG	DH09HH	1		6,0	6	0
61	09143083	PHẠM THỊ THANH	TRANG	DH09KM	2		3,9	3	9
62	09143037	TRẦN HOÀNG ÁI	TRÂN	DH09KM	2		5,7	5	7
63	09139201	NGUYỄN ĐÌNH	TRÍ	DH09HH	1		5,0	5	0
64	09139210	NGUYỄN B P THANH	TRÚC	DH09HH	2		8,0	8	0
65	09139230	VÕ TẤN	TÚ	DH09HH	1		2,9	2	9
66	09139218	HOÀNG QUANG	TUẤN	DH09HH	1		4,9	4	9
67	09143040	PHẠM CHÂU ANH	TUẤN	DH09KM	1		2,9	2	9
68	09143043	NGUYỄN ĐÌNH NHÃ	UYÊN	DH09KM	2		5,3	5	3
69	09139234	DƯƠNG THỊ	VÂN	DH09HH	1		6,7	6	7
70	09143084	LÊ NGUYỄN THANH	VÂN	DH09KM	1		7,1	7	1
71	09143044	NGUYỄN THỊ ÁI	VÂN	DH09KM	2		5,3	5	3
72	09143085	NGUYỄN ĐỨC	VINH	DH09KM	1		2,9	2	9

Cán bộ coi thi 1&2

Vương Hồ Cẩm

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00259

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	09139239	TRẦN THẾ	VINH	DH09HH	2		7,8	7	8
74	09143045	NGUYỄN QUANG	VŨ	DH09KM	1		3,2	3	2
75	09142133	LÊ THỊ HOÀNG	VY	DH09DY	1		4,9	4	9
76	09143087	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	DH09KM	1		6,0	6	0
77	09139248	ĐẶNG NGỌC	XUÂN	DH09HH	2		4,6	4	6

Cán bộ coi thi 1&2

Vương Thế Vũ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

ThS. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00260

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD305 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 003 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
:	09150013	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	DUNG	DH09TM	1		8,0	8	0
2	09150015	PHẠM HUỲNH THANH	DUY	DH09TM	2		4,7	4	7
3	09150016	BÙI THỊ KIM	DUYÊN	DH09TM	2		5,0	5	0
4	09150018	TRẦN QUANG	ĐẠI	DH09TM	1		6,0	6	0
5	09150019	DƯƠNG QUỐC	ĐẠT	DH09TM	2		5,6	5	6
6	09150020	PHẠM THỊ	ĐOAN	DH09TM	2		6,6	6	6
7	09150025	PHẠM THỊ THU	HÀ	DH09TM	1		2,0	2	0
8	09150028	NGUYỄN MINH	HẠNH	DH09TM	1		2,9	2	9
9	09150029	LÊ THỊ	HẰNG	DH09TM	1		3,3	3	3
0	09150030	LƯƠNG THÚY	HẰNG	DH09TM	1		3,9	3	9
1	09150031	MẠNH THỊ THU	HẰNG	DH09TM	1		3,5	3	5
2	09150034	NGUYỄN THỊ	HIẾU	DH09TM	1		6,4	6	4
3	09150035	TRƯƠNG HOÀNG	HOA	DH09TM	1		4,2	4	2
4	09150036	VÕ THỊ MỸ	HÒA	DH09TM	1		8,7	8	7
5	09150037	HÀ THỊ HỒNG	HUẾ	DH09TM	2		4,6	4	6
6	09150038	NGUYỄN THỊ BÍCH	HUỆ	DH09TM	1		4,2	4	2
7	09150043	LÊ THỊ NGỌC	KHÁNH	DH09TM	2		8,4	8	4
8	09150045	TRẦN THỊ	KHUYÊN	DH09TM	1		8,4	8	4

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **00260**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD305 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 003 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09150047	LÊ THỊ	LÀNH	DH09TM	2		4,2	4	2
20	09150049	ĐẶNG TRÚC	LIÊN	DH09TM	1		5,3	5	3
21	09150052	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	DH09TM	2		5,0	5	0
22	09150054	TRẦN THỊ NGỌC	LINH	DH09TM	2		6,0	6	0
23	09161067	TRƯƠNG THỊ NHẬT	LINH	DH09TA	2		7,7	7	7
24	09150057	LÊ ĐỨC	LỘC	DH09TM	2		6,7	6	7
25	09150058	ĐOÀN NGUYỄN THÀNH	LUÂN	DH09TM	1		2,2	2	2
26	09150060	BÙI THẢO	LY	DH09TM	2		7,4	7	4
27	09150063	NGUYỄN THỊ THẾ	MỸ	DH09TM	1		5,0	5	0
28	09150065	LÊ THỊ DIỆU	NGA	DH09TM	2		4,6	4	6
29	09150067	VŨ THỊ THU	NGÂN	DH09TM	2		5,3	5	3
30	09150070	LÊ THỊ THẢO	NHƯ	DH09TM	2		8,4	8	4
31	09150071	NGUYỄN TRẦN HỒNG	OANH	DH09TM	2		8,4	8	4
32	09150073	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	DH09TM	2		7,7	7	7
33	09150097	NGUYỄN LỆ HUYỀN	TRANG	DH09TM	1		2,9	2	9

83 bài
50 tờ (51)

Cán bộ coi thi 1&2

K.CHÉ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00239

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV217 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09123003	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	DH09KE	1		8,6	8	6
2	08138030	ĐỖ CHÍ	BÁCH	DH08TD	1		3,1	3	1
3	09120001	NGUYỄN XUÂN	BÌNH	DH09KT	1		6,6	6	6
4	09120070	PHẠM NHẤT	DUY	DH09KT	1		5,2	5	2
5	08160039	TRẦN HUỲNH THANH	ĐOAN	DH08TK	1		3,5	3	5
6	0912302B	PHẠM THỊ THÚY	GIỀNG	DH09KE	1		7,2	7	2
7	09120004	NGUYỄN THỊ	HÀ	DH09KT	2		5,8	5	8
8	08138067	TRẦN THANH	HẢI	DH08TD	1		6,6	6	6
9	09120041	TRẦN THỊ	HẬU	DH09KT	2		7,6	7	6
10	09123044	HUỲNH THỊ THANH	HIỀN	DH09KE	1		7,9	7	9
11	09121002	PHẠM THỊ DIỆU	HIỀN	DH09KT	1		8,6	8	6
12	09123053	LÊ THỊ NGỌC	HUYỀN	DH09KE	2		7,3	7	3
13	09121020	TRIỆU THÚY	HỮU	DH09KT	1		5,3	5	3
14	09120042	TRẦN THỊ HỒNG	KIM	DH09KT	1		6,5	6	5
15	08160082	LÊ THỊ THANH	LAN	DH08TK	1		7,2	7	2
16	09123063	TRẦN THỊ PHƯƠNG	LAN	DH09KE	2		7,3	7	3
17	09123065	NGUYỄN THỊ KIM	LIÊN	DH09KE	1		9,3	9	3
18	08146162	VÕ THỊ DIỄM	LONG	DH08NK	1		5,9	5	9

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00239

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

n Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV217 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
9	09123077	LÊ THỊ TRÚC	LY	DH09KE	1		7,6	7	6
0	08130051	TRẦN CÔNG	LÝ	DH08DT	1		6,6	6	6
1	08160104	NGUYỄN NGỌC UYÊN	MINH	DH08TK	1		7,3	7	3
2	09120047	NGUYỄN THỊ HỒNG	MƠ	DH09KT	1		6,3	6	3
3	09120049	TRẦN THỊ THU	NGA	DH09KT	1		7,3	7	3
4	09120007	ĐÀO THỊ	NGHĨA	DH09KT	2		6,5	6	5
5	08160115	CAO THỊ BÍCH	NGỌC	DH08TK	1		5,9	5	9
6	09123100	ĐINH HẠNH	NGUYÊN	DH09KE	1		4,8	4	8
7	08138025	CAO MINH	NHẬT	DH08TD	1		5,9	5	9
8	09120052	TRẦN PHI	PHONG	DH09KT	1		6,6	6	6
9	09120022	LÂU TÁC	PHU	DH09KT	1		7,7	7	7
0	09120054	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	DH09KT	1		2,1	2	1
1	08114074	ĐẶNG XUÂN	SANG	DH08LN	1		2,9	2	9
2	09120023	NGUYỄN HOÀNG	SANG	DH09KT	2		5,9	5	9
3	09123127	NGUYỄN THANH	SANG	DH09KE	1		7,7	7	7
4	09123129	TRƯƠNG THỊ	SINH	DH09KE	1		6,6	6	6
5	09120058	LÊ ÁI HUYỀN	THƠ	DH09KT	1		7,9	7	9
6	08160152	LÊ THỊ	THU	DH08TK	1		4,9	4	9

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **00239**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV217 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
	08160154	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	DH08TK	1		5,6	5	6
	09120062	NGUYỄN THỊ TRÂM	THƯƠNG	DH09KT	2		7,7	7	7
	09120065	TRẦN NGỌC THÚY	TRÂM	DH09KT	1		4,6	4	6
	09120028	TRẦN VĂN	TUYỀN	DH09KT	1		5,6	5	6
		Tổng số bài : 40							

Số bài : 40
Số tờ : 47

Cán bộ coi thi 1&2

N.T.T. Thảo
Ng.T.Mai

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGO THIEN

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Thị Đạt

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00262

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV223 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 003 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09154001	NGUYỄN BẢO	ANH	DH09OT	2		7,9	7	9
2	09151028	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	DH09DC	2		7,3	7	3
3	09155001	PHẠM QUỐC	CƯỜNG	DH09KT	1		5,6	5	6
4	09155002	VÂN PHƯỢNG	DUNG	DH09KM	1		5,8	5	8
5	09151003	TRẦN THỊ HỒNG	DUYÊN	DH09DC	1		5,5	5	5
6	09139034	ĐỖ XUÂN	ĐỊNH	DH09HH	2		5,6	5	6
7	09154014	NGUYỄN HOÀNG	GIÀU	DH09OT	1		6,6	6	6
8	09139055	BÙI BÁO	HIẾU	DH09HH	2		4,5	4	5
9	09151043	LÊ THỊ MỸ	HỒNG	DH09DC	2		9,0	9	0
10	09141015	NGUYỄN THỊ THÚY	HỒNG	DH09NY	2		7,2	7	2
11	09154024	NGUYỄN VĂN	HÙNG	DH09OT	1		4,2	4	2
12	09154071	VÕ QUỐC	HÙNG	DH09OT	1		4,3	4	3
13	09139069	VÕ TUẤN	HÙNG	DH09HH	2		4,1	4	1
14	09139093	LÊ NGUYỄN HOÀNG BÁ	LONG	DH09HH	2		6,2	6	2
15	09154030	HỒ TẤN	LỰC	DH09OT	1		5,2	5	2
16	09161088	HUỲNH THỊ KIM	NGÂN	DH09TA	1		6,5	6	5
17	09155007	ĐẶNG HỒNG	NGỌC	DH09KT	1		4,6	4	6
18	09161094	LÊ THỊ THU	NGUYỆT	DH09TA	1		5,8	5	8

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Thị Yến Hồ Văn Cẩm Phấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00262

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV223 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09151014	BÙI THỊ VÂN	NHI	DH09DC	2		7,3	7	3
20	09139116	LÊ THỊ	NHUNG	DH09HH	1		4,2	4	2
21	09150069	LÊ THỊ CẨM	NHUNG	DH09TM	2		8,3	8	3
22	09151052	HỒ SỸ	PHONG	DH09DC	2		5,3	5	3
23	09139125	BÙI VĨNH	PHÚC	DH09HH	2		7,3	7	3
24	09141027	HOÀNG NHƯ	PHÚC	DH09NY	1		4,2	4	2
25	09161127	LÊ HOÀNG	SÂM	DH09TA	1	Sâm	6,7	6	7
26	09141101	LƯƠNG CÔNG MINH	TÀI	DH09NY	1		1,3	1	3
27	09145136	TRẦN HOÀNG	THANH	DH09BV	1		3,9	3	9
28	09141107	TRẦN QUANG	THÀNH	DH09NY	1		7,7	7	7
29	09139170	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	DH09HH	1		4,9	4	9
30	09141110	NGUYỄN VĂN	THOẠI	DH09NY	1		3,5	3	5
31	09148160	NÔNG THỊ LỆ	THU	DH09DD	2		5,2	5	2
32	09148161	NGUYỄN THỊ NGỌC	THUẬN	DH09DD	2		4,9	4	9
33	09143039	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	DH09KM	1		7,3	7	3
34	09142127	PHẠM THỊ	VÂN	DH09DY	2		4,5	4	5
35	09156111	PHẠM THỊ THÚY	VÂN	DH09VT	2		5,7	5	7

35 bài
57 tờ

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Thị Yến Hà Văn Cẩm Phan

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Hoài Đức

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00261

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 002 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09137021	VŨ KIM	ANH	DH09NL				0	
2	09139019	NGUYỄN HOÀNG	CƯƠNG	DH09HH	1		3,5	3	5
3	09130113	ĐINH CÔNG	HIẾU	DH09DT	2		5,6	5	6
4	09130114	CHU THỊ	HUYỀN	DH09DT	1		3,2	3	2
5	09130041	ĐẶNG HỮU	LONG	DH09DT	1		4,1	4	1
6	09130046	NGUYỄN CHÍNH	LUẬN	DH09DT	1		3,1	3	1
7	09130061	DƯƠNG HOÀNG	NHÃ	DH09DT	1		2,7	2	7
8	09123231	PHAN THỊ KIỀU	NHUNG	DH09KE	1		7,2	7	2
9	09130135	LÊ VĂN	PHƯƠNG	DH09DT	1		2,8	2	8
10	09132080	TRẦN THỊ THANH	QUYÊN	DH09KE	1		5,3	5	3
11	09124080	LÊ VĨNH	TẤN	DH09QL	1		1,5	1	5
12	09123147	NGÔ THỊ	THOA	DH09KE	1		6,7	6	7
13	09123150	ĐỖ THỊ	THU	DH09KE	1		5,9	5	9
14	09123152	NGUYỄN THỊ	THU	DH09KE	1		8,7	8	7
15	09123160	PHẠM THANH	THỦY	DH09KE	1		7,0	7	0
16	09123162	NGUYỄN XUÂN	THỦY	DH09KE	1		4,5	4	5
17	09123155	NGUYỄN THỊ	THUYẾT	DH09KE	1		6,3	6	3
18	09123177	NGUYỄN THỊ THỤC	TRANG	DH09KE	1		3,9	3	9

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Hoài Thu

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00261

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 002 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
9	09123182	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	DH09KE	1		6,3	6	3
0	09123183	VÕ THỊ HOÀI	TRANG	DH09KE	1		5,0	5	0
1	09123186	TRẦN THỊ TUYẾT	TRINH	DH09KE	1		5,2	5	2
2	09130094	TRẦN QUỐC	TUẤN	DH09DT	1		1,4	1	4
3	09123192	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	DH09KE	1		6,3	6	3
4	09123196	HUỲNH NGỌC TƯỜNG	VÂN	DH09KE	2		9,3	9	3
5	09123203	NGUYỄN THỊ	XUÂN	DH09KE	2		5,7	5	7
6	09123207	ĐINH ĐỖ NGỌC	YẾN	DH09KE	1		5,9	5	9
7	09123208	HOÀNG THỊ	YẾN	DH09KE	1		6,6	6	6

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00263

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

n Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 004 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09363009	CAO THỊ THÚY	AN	CD09CA	1		3,7	3	7
2	09363010	ĐOÀN TRƯỜNG	AN	CD09CA	2		4,2	4	2
3	09363018	NGUYỄN THÚY QUỲNH	ANH	CD09CA	1		5,8	5	8
4	09363022	NGUYỄN QUỐC	BẢO	CD09CA	1		2,7	2	7
5	09363025	HUỲNH THỊ KIM	BẰNG	CD09CA	1		6,9	6	9
6	09363039	CAO XUÂN	DIỆU	CD09CA	1		2,8	2	8
7	09363041	LÊ THỊ XUÂN	DIỆU	CD09CA	1		5,6	5	6
8	09363049	ĐỖ THỊ THANH	ĐỆ	CD09CA	2		4,1	4	1
9	09363050	LÊ THỊ NGỌC	ĐIỆP	CD09CA	1		2,0	2	0
0	09363051	NGUYỄN THỊ	ĐIỆP	CD09CA	1		7,7	7	7
1	09363055	ĐỖ THỊ	GIANG	CD09CA	1		7,6	7	6
2	09363061	NGUYỄN THỊ	HÀ	CD09CA					
3	09363774	NGUYỄN THỊ	HÀ	CD09CA	1		6,3	6	3
4	09363071	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	CD09CA	1		3,1	3	1
5	09363275	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	CD09CA	1		5,7	5	7
6	09363088	TRỊNH THANH	HÙNG	CD09CA	1		7,2	7	2
7	09363094	VƯƠNG THỊ	HƯƠNG	CD09CA	1		3,5	3	5
8	09363112	LÊ THỊ MỸ	LINH	CD09CA	1		7,3	7	3

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00263

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

n Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 004 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
9	09363125	HUỲNH BỘI TUYẾT	NGÂN	CD09CA	1		6,6	6	6
0	09363128	LÊ THỊ THÚY	NGÂN	CD09CA	1		2,5	2	5
1	09363142	DƯƠNG THỊ QUỲNH	NHƯ	CD09CA	1		4,1	4	1
2	09363148	HỒ HỮU	PHÚC	CD09CA	2		2,5	2	5
3	09363150	LÊ LAN	PHƯƠNG	CD09CA	2		4,3	4	3
4	09363164	PHẠM HOÀNG LỆ	QUYÊN	CD09CA	1		4,2	4	2
5	09363166	LÊ THỊ HỒNG	SEN	CD09CA	1		5,6	5	6
6	09161138	HUỲNH THỊ KIM	THANH	DH09TA	1		6,7	6	7
7	09363175	LÂM THỊ THANH	THẢO	CD09CA	1		6,3	6	3
8	09363179	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẢO	CD09CA	1		4,6	4	6
9	09161156	NGUYỄN VĂN	THÔNG	DH09TA	1		4,3	4	3
0	09363195	TRẦN THỊ	THƠ	CD09CA	1		5,2	5	2
1	09363203	GIANG THỊ HỒNG	THÚY	CD09CA	1		2,2	2	2
2	09363205	HUỲNH THỊ HỒNG	THÚY	CD09CA	1		5,6	5	6
3	09363210	HOÀNG THỊ THU	THÚY	CD09CA	1		3,5	3	5
4	09363200	VÕ THỊ THU	THÚY	CD09CA	1		6,4	6	4
5	09363219	THÂN THỊ NGỌC	TÍNH	CD09CA	1		3,2	3	2
6	09363239	TỪ THỊ THÚY	TRINH	CD09CA	1		1,5	1	5

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00263

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

n Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 004 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
7	09363240	PHẠM THỊ NHƯ	TRÚC	CD09CA	1		3,9	3	9
8	09363250	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	CD09CA	1		4,2	4	2
9	09363245	VŨ MỘNG	TUYỀN	CD09CA	1		2,2	2	2
0	09363254	NGUYỄN ĐÌNH THỤC	UYÊN	CD09CA					
1	09363259	HUỲNH THỊ TUYẾT	VÂN	CD09CA	1		4,9	4	9
2	09363267	PHẠM THỊ	XUÂN	CD09CA	1		3,2	3	2
3	09363269	KỐNG NGỌC	YẾN	CD09CA	1		4,6	4	6
4	09363270	LÊ HOÀNG	YẾN	CD09CA	1		7,2	7	2

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00243

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - 90phút Phòng thi PV217 **Nhóm Thi :** Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09130002	NGUYỄN VĂN	AN	DH09DT				0	0
2	08148006	ĐỒNG KHẮC	BIỂN	DH08DD	1		8,0	8	0
3	09145008	LÊ THỊ	BÔNG	DH09BV				0	0
4	09145021	NGUYỄN HỮU	DŨNG	DH09BV				0	0
5	09132002	KIM THỤY BÍCH	DUYÊN	DH09SP	1		5,4	5	4
6	09153046	HỒ XUÂN	ĐẠO	DH09CD	1		6,8	6	8
7	09157039	ĐỖ LÊ ĐỒNG	ĐỨC	DH09DL				0	0
8	07114075	PHẠM TRƯỜNG	GIANG	DH08LN	1		5,4	5	4
9	09124018	VÕ MINH	GIÀU	DH09QL				0	0
10	08122032	TRẦN PHƯƠNG	HẢI	DH08QT	2		5,2	5	2
11	07114078	CHÂU	HẠNH	DH08LN	1		2,6	2	6
12	09111017	NGUYỄN MINH	HẠNH	DH09CN				0	0
13	09145029	HUỲNH VĂN	HÀO	DH09BV				0	0
14	09130073	NGUYỄN VĂN	HẬU	DH09DT	1		4,3	4	3
15	09148042	LÊ THỊ THANH	HOA	DH09DD	1		3,7	3	7
16	09113047	TRƯƠNG QUỐC	HUY	DH09NH				0	0
17	09154074	NGUYỄN XUÂN	KHÔI	DH09OT	1		6,3	6	3
18	09124018	NGUYỄN THỊ BÍCH	LOAN	DH09QL				0	0

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00243

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

n Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - 90phút Phòng thi PV217 **Nhóm Thi :** Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
9	09112092	NGUYỄN THỊ THANH	MAI	DH09TY				0	0
0	09130077	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	DH09NH				0	0
1	09111026	PHẠM HOÀNG	MINH	DH09CN				0	0
2	09112101	NGUYỄN TRẦN NGỌC	NGÂN	DH09TP				0	0
3	09111028	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	DH09CN				0	0
24	09123107	HOÀNG THỊ HỒNG	NHUNG	DH09KE	1		3,6	6	0
25	07114090	DANH	PHO	DH08LN	1		0,9	0	9
26	09139137	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	DH09HH				0	0
27	09135140	TRẦN THỊ PHÚ	TÀI	DH09TB				0	0
28	09135049	MAI ĐỖ MINH	TÂM	DH09TB	1		4,0	4	0
29	09154108	TRẦN HỒNG	THÁI	DH09OT	1		5,7	5	7
30	09151058	NGUYỄN QUYẾT	THẮNG	DH09DC	1		5,9	5	9
31	09154099	PHẠM HOÀNG	THẮNG	DH09OT	1		7,4	7	4
32	07114096	MÀNG DUY CÔNG	THỊNH	DH08LN	1		3,9	3	9
33	09123148	NGUYỄN THỊ	THOA	DH09KE	2		7,6	7	6
34	09112160	PHƯƠNG CẢNH	THOẠI	DH09TP				0	0
35	09123154	NGUYỄN VĂN	THUẬN	DH09KE	1		2,9	2	9
36	09123168	NGUYỄN THỊ MAI	THY	DH09KE	2		7,6	7	6

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Hồng Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00243

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - 90phút Phòng thi PV217 **Nhóm Thi :** Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
7	~~09123181~~	~~TRẦN THỊ HUYỀN~~	~~TRANG~~	~~DH09KE~~	2	Trang	7,0	7	0
8	~~09139211~~	~~NGUYỄN THỊ THÚY~~	~~TRÚC~~	~~DH09HH~~					
9	~~09112228~~	~~HÀ ANH~~	~~TUẤN~~	~~DH09TY~~					
10	09123190	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	DH09KE	1		6,7	6	7
11	07114101	THẠCH THỊ KIM	TUYẾN	DH08LN	1		5,4	5	4
12	09123198	TRẦN THỊ BÍCH	VÂN	DH09KE	1	Vân	6,6	6	6
13	09123205	TRẦN THỊ HẢI	XUÂN	DH09KE	1	Xuân	7,0	7	0
14	08158193	TRẦN THỊ NHƯ	Ý	CD09CA	1		6,3	6	3
15	09123210	TRẦN HẢI	YẾN	DH09KE	1		8,3	8	3

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Hồng Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00271

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

n Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 14 - Tổ 002 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
	09363013	NGUYỄN HOÀNG MỸ	AN	CD09CA	1		3,2	3	2
	09363021	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	CD09CA	1		4,0	4	0
	09363032	NGUYỄN PHÚ	CHÂU	CD09CA	1		3,6	3	6
	09363068	ĐẶNG THỊ KIM	HẰNG	CD09CA					
	09363092	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	CD09CA	x				
	09363101	PHẠM THỊ THANH	LAN	CD09CA	1		4,9	4	9
	09363109	HÀNG BÁ	LINH	CD09CA					
	09363110	HUỲNH HOÀI	LINH	CD09CA	1		4,3	4	3
	09363113	NGUYỄN NGỌC MỸ	LINH	CD09CA	1		2,7	2	7
	09363120	NGUYỄN THỊ BẠCH	MAI	CD09CA	1		5,5	5	5
	09363121	LÂM THỊ TRÀ	MY	CD09CA	1		7,1	7	1
	09363126	HUỲNH HẠNH	NGÂN	CD09CA	1		2,2	2	2
	09363131	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	CD09CA	1		8,1	8	1
	09363132	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	CD09CA	1		5,2	5	2
	09363155	VŨ THỊ	PHƯƠNG	CD09CA					
	09363161	NGUYỄN THỊ KIM	QUYÊN	CD09CA	2		4,0	4	0
	09363171	TRẦN VĂN	TÀI	CD09CA					
	09363173	VÕ THỊ KIM	THANH	CD09CA	1		3,6	3	6

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00271

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 14 - Tổ 002 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
	09363187	DU THỊ	THẾ	CD09CA	1		3,2	3	2
	09363208	TRẦN THỊ NHƯ	THÚY	CD09CA					
	09363216	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	CD09CA	1		5,2	5	2
	09363220	NGUYỄN NGỌC	TĨNH	CD09CA					
	09363227	PHẠM THỊ THÚY	TRANG	CD09CA	2		6,3	6	3
	09363233	TRẦN THỊ HUYỀN	TRÂN	CD09CA	1		4,5	4	5
	09157243	NÔNG VĂN	TRƯỜNG	DH09DL					
	09363244	NGUYỄN MẠNH	TUẤN	CD09CA	1		0,8	0	8
	09363251	ĐẶNG THỊ	TƯƠNG	CD09CA	1		4,9	4	9
	09363257	BẾ THỊ	VÂN	CD09CA	1		2,2	2	2
	09363263	HOÀNG THỊ	VUI	CD09CA	1		2,5	2	5
	09161190	TRẦN MINH	VƯƠNG	DH09TA	1		7,0	7	0

22 tờ - 24 tờ

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00251

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315 **Nhóm Thi :** Nhóm 19 - Tổ 005 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09123092	ĐOÀN THỊ TỐ	NGA	DH09KE			9.2	9	2
2	09123094	HỒ NHƯ	NGỌC	DH09KE			6.3	6	3
3	09123096	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	DH09KE	2		7.3	7	3
4	09123098	TRẦN THỊ	NGỌC	DH09KE			6.2	6	2
5	09123102	NGUYỄN THỊ TỐ	NGUYÊN	DH09KE			7.2	7	2
6	09123103	NGUYỄN VĂN	NHANH	DH09KE			5.6	5	6
7	09123106	PHAN THỊ KIM	NHI	DH09KE			7.7	7	7
8	09123108	HOÀNG THỊ HỒNG	NHUNG	DH09KE			4.9	4	9
9	09123109	MAI TRANG	NHUNG	DH09KE			6.5	6	5
10	09123110	VÕ TRẦN HỒNG	NHUNG	DH09KE			6.3	6	3
11	09123112	BÙI THỊ QUỲNH	NHƯ	DH09KE			7.0	7	0
12	09123115	NGÔ THỊ KIỀU	OANH	DH09KE			3.9	3	9
13	09123116	LÂM VŨ	PHI	DH09KE	2		10.0	10	0
14	09123117	NGUYỄN THANH	PHONG	DH09KE			7.0	7	0
15	09123118	TRẦN CAO GIAO	PHƯƠNG	DH09KE	2		7.8	7	8
16	09123119	VÕ THỊ	PHƯƠNG	DH09KE			7.0	7	0
17	09123120	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	DH09KE			9.0	9	0
18	09123121	VŨ THỊ	PHƯỢNG	DH09KE			6.5	6	5

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THỊ ÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00251

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315 **Nhóm Thi :** Nhóm 19 - Tổ 005 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09123123	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	DH09KE			7,1	7	1
20	09123124	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH	DH09KE			3,3	3	3
21	09123125	NGUYỄN ĐAN	QUỲNH	DH09KE			7,2	7	2
22	09123131	ĐẶNG THÀNH	SƯ	DH09KE			7,8	7	8
23	09123130	HOÀNG THỊ THÚY	SƯƠNG	DH09KE			7,3	7	3
24	09123132	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	DH09KE			7,1	7	1
25	09123133	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	DH09KE			7,6	7	6
26	09123134	PHẠM THỊ THANH	TÂM	DH09KE	2		6,8	6	8
27	09123135	TRẦN NGỌC	TÂN	DH09KE			7,0	7	0
28	09123136	LÊ THỊ BÌNH	TÂY	DH09KE			10,0	10	0
29	09123137	BÙI NGUYỄN HỒNG	THANH	DH09KE			7,2	7	2
30	09123138	VÕ THỊ KIM	THANH	DH09KE			5,6	5	6
31	09123140	NGÔ THỊ	THẢO	DH09KE	2		8,5	8	5
32	09123145	NGUYỄN THỊ	THẮM	DH09KE	2		7,6	7	6

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

ThS. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **00250**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV227 **Nhóm Thi :** Nhóm 19 - Tổ 004 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09123039	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	DH09KE	2		6.2	6	2
2	09123040	THÁI THỊ	HẰNG	DH09KE				V	
3	09123041	TRƯƠNG THỊ THÚY	HẰNG	DH09KE	1		8.3	8	3
4	09123043	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	HÂN	DH09KE	1		7.8	7	8
5	09123045	NGUYỄN THỊ DIỆU	HIỀN	DH09KE	1		6.3	6	3
6	09123049	KIỀU THỊ	HÒA	DH09KE	1		7.7	7	7
7	09123051	LONG THỊ	HƠN	DH09KE	1		9.3	9	3
8	09123052	CAO THỊ	HUẾ	DH09KE	1		7.9	7	9
9	09123056	TRẦN THANH	HUYỀN	DH09KE	1		3.5	3	5
10	09123058	PHAN THỊ THANH	HƯƠNG	DH09KE	1		7.6	7	6
11	09123060	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	DH09KE	2		9.0	9	0
12	09123061	VŨ THỊ KIỀU DIỄM	HƯƠNG	DH09KE	2		7.0	7	0
13	09123062	LƯU CẨM	HƯỜNG	DH09KE	1		7.2	7	2
14	09123064	NGUYỄN HỮU	LÂM	DH09KE	1		5.6	5	6
15	09123066	TRẦN THỊ	LIÊN	DH09KE	1		8.6	8	6
16	09123067	NGÔ THỊ THÚY	LINH	DH09KE	2		9.0	9	0
17	09123069	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠN	LINH	DH09KE	2		7.0	7	0
18	09123070	HÀ THỊ KIM	LOAN	DH09KE	1		7.9	7	9

Cán bộ coi thi 1&2 — Nguyễn Hồng Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Th.S. NGÔ THIÊN

Cán bộ chấm thi 1&2 — Hà Thị Thái Trúc

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **00250**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV227 **Nhóm Thi :** Nhóm 19 - Tổ 004 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09123071	LÊ THỊ KIM	LOAN	DH09KE	1		7.6	7	6
20	09123072	NGUYỄN THỊ	LOAN	DH09KE	1		7.2	7	2
21	09123073	NGUYỄN THỊ	LOAN	DH09KE	1		4.6	4	6
22	09123074	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LOAN	DH09KE	1		4.9	4	9
23	09123075	LÊ THỊ	LỘC	DH09KE	2		8.6	8	6
24	09123076	NGUYỄN DUY	LUÂN	DH09KE	2		8.6	8	6
25	09123078	NGUYỄN LÊ	LY	DH09KE	2		8.6	8	6
26	09123079	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	DH09KE	1		7.0	7	0
27	09123080	VÕ THỊ	LY	DH09KE	1		7.0	7	0
28	09123081	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	DH09KE	2		9.7	9	7
29	09123082	VÕ THỊ	MAI	DH09KE	1		7.0	7	0
30	09123083	VÕ THỊ	MƯỜI	DH09KE	2		5.6	5	6
31	09123084	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	DH09KE	1		6.3	6	3
32	09123085	TRẦN THỊ DIỄM	MY	DH09KE	2		9.0	9	0
33	09123086	VÕ THỊ TRÀ	MY	DH09KE	2		7.4	7	4
34	09123087	NGUYỄN THỊ LỆ	MỸ	DH09KE	2		7.7	7	7
35	09123089	TRẦN CAO PHƯƠNG	NAM	DH09KE					

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **00247**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV217 **Nhóm Thi :** Nhóm 19 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09113002	NGUYỄN PHƯƠNG	BẮC	DH09NH	1		5,6	5	6
2	07119009	ĐỖ THANH	BÌNH	DH08CK	1		3,7	3	7
3	09113005	TRỊNH MINH	CHÁNH	DH09NH	1		2,9	2	9
4	09113006	TRƯƠNG THỊ THANH	CHI	DH09NH	1		4,6	4	6
5	07116014	PHẠM VĂN	CHÚC	DH08NT	1		2,2	2	2
6	09113011	LÊ KHỰT	DU	DH09NH	1		4,3	4	3
7	09113012	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	DH09NH	1		8,7	8	7
8	09113014	ĐINH THỊ BÔNG	DƯƠNG	DH09NH	1		8,1	8	1
9	09113015	PHẠM THỊ THÙY	DƯƠNG	DH09NH	1		7,0	7	0
10	09113017	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐÀO	DH09NH	1		7,9	7	9
11	09113028	CAO QUỐC	ĐẠT	DH09NH	1		8,0	8	0
12	08145013	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	DH08BV					
13	08145014	VÕ TẤN	ĐẠT	DH08BV					
14	08125034	LỮ THANH	ĐIỀN	DH08BQ	2		8,0	8	0
15	08114027	TRẦ HỒNG	ĐIỆP	DH08LN	1		4,8	4	8
16	09111015	ĐỒNG ĐỨC	ĐOÀN	DH09CN	1		6,0	6	0
17	09113022	ĐỖ HỮU	ĐỨC	DH09NH	2		6,3	6	3
18	08145026	LÊ THANH	HIỀN	DH08BV	1		5,7	5	7

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00247

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút **Phòng thi** PV217 **Nhóm Thi :** Nhóm 19 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08145027	PHAM THI	HIỀN	DH08BV	1		6.7	6	7
20	07116053	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	DH08NT	1		3.6	3	6
21	08145035	NGUYỄN THÁI	HÙNG	DH08BV	1		4.3	4	3
22	07111052	BÙI HOÀNG	KHA	DH08CN					
23	07138030	TRẦN QUANG	KHẢI	DH08TD	1		0.7	0	7
24	08157280	KON JAN YONG NHÔNG	LẬP	DH08DL	1		5.1	5	1
25	08145127	CHAU	LÊN	DH08BV	1		0.7	0	7
26	08135045	NGUYỄN VĂN	LONG	DH08TB	1		5.6	5	6
27	09112088	NGUYỄN THANH	LỢI	DH09TY	1		2.8	2	8
28	08113093	TRẦN VĂN	MẠNH	DH08NH	1		3.0	3	0
29	08157122	PHAN BÁO	MINH	DH08DL	2		7.0	7	0
30	07138009	TRẦN HOÀI	NAM	DH08TD			0.7	0	7
31	08145058	NGUYỄN THANH	NGHĨA	DH08BV					
32	07119019	PHAN TRỌNG	NGHĨA	DH08CK	1		4.9	4	9
33	08145064	NGUYỄN PHƯỚC MINH	NHỰT	DH08BV					
34	08168120	PHAN THỊ NHẬT	PHƯƠNG	CD08CA	1		0.7	0	7
35	08147155	TRƯƠNG MINH	QUANG	DH08QR	1		5.6	5	6
36	07119023	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	DH08CK	2		5.6	5	6

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **00247**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV217 **Nhóm Thi :** Nhóm 19 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phâ
37	07113197	LÊ THỊ	THẢO	DH08NH	1	[signature]	4,2	4	2
38	09111038	NGUYỄN VĂN	TIẾN	DH09CN	1	[signature]	6,7	6	7
39	07111121	NGUYỄN TRUNG	TÍN	DH08TA	1	[signature]	3,3	3	3
40	08145108	NGUYỄN NHỰT	TRƯỜNG	DH08BV				V	
41	08145109	TRẦN GIANG	TRƯỜNG	DH08BV				V	
42	08125227	DƯƠNG BÁ	TÙNG	DH08BQ	2	[signature]	5,5	5	5
43	08141155	TRƯƠNG VĂN	VINH	DH08NY	1	[signature]	7,1	7	1
44	08161257	NGUYỄN NGỌC	VĨNH	DH08TA	1	[signature]	7,2	7	2
45	08113198	NGUYỄN DUY NHẤT	VƯƠNG	DH08NH				V	

Cán bộ coi thi 1&2 — [signature]

Duyệt của Trưởng Bộ môn — [signature] Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2 — [signature] Hồ Thị Thảo Trâm

Tổng số bài thi: 21 - 3 — Lê T. Thanh Nữ

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00264

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 13 - Tổ 002 - t

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09362034	PHẠM THỊ KIM	CHI	CD09CA	2		4.1	4	1
2	09151030	HUỲNH TỪ THẾ	CHIẾN	DH09DC	2		5.5	5	5
3	09151031	TRẦN VĂN	CHINH	DH09DC	1		7.2	7	2
4	09151032	TRƯƠNG MINH	CÔNG	DH09DC	1		6.5	6	5
5	09143006	HUỲNH THỊ BÍCH	DIỄM	DH09KM	1		5.1	5	1
~~6~~	~~09123021~~	~~PHÙNG THỊ KIM~~	~~DUNG~~	~~DH09KE~~					
7	09162001	TRẦN THỊ PHƯƠNG	DUNG	DH09GI	1		7.0	7	0
8	09151036	TRẦN XUÂN	DUY	DH09DC	1		5.6	5	6
9	09151004	DƯƠNG TẤN	ĐẠT	DH09DC	2		5.5	5	5
10	09151005	TỐNG VIỆT	ĐẠT	DH09DC	1		2.2	2	2
11	09112246	KIỀN PHÚC	ĐỨC	DH09TY	1		2.5	2	5
12	09162002	TRẦN NGỌC	ĐỨC	DH09GI	1		5.7	5	7
~~13~~	~~09143009~~	~~NGUYỄN VĂN~~	~~ĐƯỜNG~~	~~DH09KM~~					
14	09143056	NGUYỄN THỊ	GIANG	DH09KM	1		5.5	5	5
15	09143010	NGUYỄN THỊ BÍCH	HÀ	DH09KM	1		7.2	7	2
16	09151039	LÊ	HẢI	DH09DC	1		4.5	4	5
17	09151040	NGUYỄN CHÍ	HẢI	DH09DC	1		8.0	8	0
18	09138023	NGUYỄN NGỌC	HẢI	DH09TD	1		5.5	5	5

Cán bộ coi thi 1&2

TTMDầu NTPThảo

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hồ Thị Thái Trâm

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00264

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 13 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phâ
19	09114081	THẠCH HỒNG	HẢO	DH09TY	1		1,8	1	8
20	09162015	BÙI THỊ THU	HIỀN	DH09GI	1		0,7	0	7
21	09151041	NGUYỄN THU	HIỀN	DH09DC	1		6,2	6	2
22	09161046	LÊ TRUNG	HÒA	DH09TA	1		7,0	7	0
23	09151008	NGUYỄN THÁI	HÒA	DH09DC	1		7,2	7	2
24	09151042	LÊ LÝ	HỒNG	DH09DC	1		3,3	3	3
25	09143012	NGUYỄN NHẬT	HUY	DH09KM	1		5,5	5	5
26	09151044	NGÔ SĨ	HƯNG	DH09DC	1		5,6	5	6
27	09151009	NGUYỄN KỲ	HƯNG	DH09DC	1		4,5	4	5
~~28~~	~~09151045~~	~~LÊ THỊ~~	~~HƯƠNG~~	~~DH09DC~~					
29	09123057	NGUYỄN THỊ KIM	HƯƠNG	DH09KE	1		4,5	4	5
30	09112247	DANH DUY	KHÁNH	DH09TY	1		2,2	2	2
31	09151010	TRƯƠNG DUY	KHƯƠNG	DH09DC	1		4,5	4	5
32	09151026	BON DONG HA BYS	KUANG	DH09DC	1		3,4	3	4
33	09162004	LÊ THỊ BÍCH	LIÊN	DH09GI	1		2,2	2	2
34	09139091	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	LINH	DH09HH	1		8,6	8	6
35	09151048	NGUYỄN BÁ	LUÂN	DH09DC	1		4,0	4	0
36	09162005	NGUYỄN THỊ	LÝ	DH09GI	1		6,2	6	2

Cán bộ coi thi 1&2

NTP Thảo

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ T[illegible]IỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thái Hằng

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **00264**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 13 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phâ
37	09151049	PHAN THỊ NGỌC	MAI	DH09DC	1		7,2	7	2
38	09123088	DƯƠNG HOÀNG	NAM	DH09KE	1		6,0	6	0
39	09162006	NGUYỄN THỊ KIM	NGA	DH09GI	2		8,8	8	8
40	09151013	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	DH09DC	1		7,2	7	2
41	09143021	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	DH09KM	1		0,7	0	7
42	09162008	HOÀNG ĐĂNG	NGUYÊN	DH09GI	1		9,0	9	0
~~43~~	~~09143024~~	~~TRẦN TRUNG~~	~~NHÂN~~	~~DH09TP~~					
~~44~~	~~09162016~~	~~HUYỀN HOÀNG~~	~~OANH~~	~~DH09GI~~					
45	09151050	NGUYỄN QUỐC TẤN	PHÁT	DH09DC	1		4,1	4	1
46	09151016	NGUYỄN TIẾN	PHÁT	DH09DC	1		4,1	4	1
47	09151051	TRẦN THỊ NGỌC	PHIẾN	DH09DC	2		7,2	7	2
48	09112227	CHÂU SÓC	PHOL	DH09TY	1		4,8	4	8
49	09151017	TRẦN ĐÌNH	PHÚ	DH09DC	1		3,9	3	9
50	09151053	LÊ HỒNG	PHÚC	DH09DC	1		4,6	4	6
51	09162017	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG	QUANG	DH09GI	1		3,2	3	2
52	09151054	TRẦN VĂN	QUÂN	DH09DC	1		6,2	6	2
~~53~~	~~09123122~~	~~NGUYỄN QUỐC~~	~~QUY~~	~~DH09KE~~					
54	09161123	PHAN VĂN	QUYNH	DH09TA	1		7,1	7	1

Cán bộ coi thi 1&2

TTNchau NTPThao

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thái Trân

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00264

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 13 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phâ
55	09148124	VŨ NGỌC TÚ	QUỲNH	DH09DD	2		7.3	7	3
56	09162011	LÊ VĂN	SONY	DH09GI	1		5.8	5	8
57	09151056	MAI VĂN	TÀI	DH09DC	1		8.6	8	6
58	09139154	LÊ QUANG	TÂN	DH09HH	2		6.0	6	0
59	09162148	PHẠM NGỌC	THẠCH	DH09TA	1		5.6	5	6
~~60~~	~~09123141~~	~~PHAN THANH~~	~~THẢO~~	~~DH09KE~~					
61	09123142	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH09KE	1		7.6	7	6
62	09123144	LÝ THỊ HỒNG	THẮM	DH09KE	1		5.5	5	5
63	09151059	TRẦN ĐÌNH	THI	DH09DC	1		5.0	5	0
~~64~~	~~09151060~~	~~HOÀNG THỊ~~	~~THÚY~~	~~DH09DC~~					
65	09112169	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	DH09TY	1		5.6	5	6
66	09112171	TRẦN NGỌC THÙY	TIÊN	DH09TY	2		8.6	8	6
67	09112175	PHAN THÀNH	TÍN	DH09TY	1		3.8	3	8
68	09151020	NGUYỄN HUY	TOÀN	DH09DC	1		6.2	6	2
69	09112179	HUỲNH VŨ NGỌC ĐOAN	TRANG	DH09TY	1		3.4	3	4
70	09143033	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	DH09KM	1		4.1	4	1
71	09112182	NGUYỄN THÙY	TRANG	DH09TY	2		7.6	7	6
~~72~~	~~09123180~~	~~TRẦN THỊ~~	~~TRANG~~	~~DH09KE~~					

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thái Hằng

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00264

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 13 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phâ
73	09143036	NGUYỄN LÊ	TRÂM	DH09KM	2		7.9	7	9
74	09112185	HỒNG THỊ BÍCH	TRÂM	DH09TY	1		5.6	5	6
75	09112192	NGUYỄN BÁ	TRUNG	DH09TY	1		6.5	6	5
76	09112193	VÕ HOÀNG	TRUNG	DH09TY	1		6.6	6	6
77	09112195	HUỲNH VĂN	TRƯỜNG	DH09TY	1		5.5	5	5
78	09112203	NGUYỄN VĂN	TÚ	DH09TY	1		4.3	4	3
79	09162013	TRUYỀN PHƯƠNG MINH	TÚ	DH09GI	1		5.6	5	6
80	09112197	CAO TRỌNG	TUẤN	DH09TY	1		3.5	3	5
81	09151023	NGUYỄN HUỲNH ANH	TUẤN	DH09DC	1		4.8	4	8
~~82~~	~~09123191~~	~~TRẦN THỊ THANH~~	~~TUYỀN~~	~~DH09KE~~					
83	09143042	HUỲNH TRUNG	TUYẾN	DH09KM	1		3.1	3	1
84	09151063	LÊ HỮU THIỆN	TỪ	DH09DC	1		3.4	3	4
85	09112211	NGUYỄN VĂN	VĨ	DH09TY	2		8.7	8	7
86	09112208	NGUYỄN ĐÌNH	VIỆT	DH09TY	2		7.6	7	6
87	09112209	TRẦN THỊ BÉ	VIỆT	DH09TY	1		7.6	7	6
88	09151024	NGUYỄN TUẤN	VŨ	DH09DC	1		7.2	7	2
89	09151037	ĐỖ MINH	VƯƠNG	DH09DC	1		7.2	7	2
90	09151025	NGUYỄN QUỐC	VƯƠNG	DH09DC	1		3.2	3	2

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thanh Tâm

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00264

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV201 **Nhóm Thi :** Nhóm 13 - Tổ 002 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phâ
91	09112216	VÕ THỊ HOÀNG	VY	DH09TY		[signature]	7,2	7	2
92	09143046	DIỆP THỊ THẾ	XUÂN	DH09KM		[signature]	7,9	7	9

Tổng số bài 82

Cán bộ coi thi 1&2

[signature] Tmdau [signature] NTP Thảo

Duyệt của Trưởng Bộ môn

[signature] Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

[signature] Hà Thị Thảo Trâm

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02854

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV315 **Nhóm Thi :** Nhóm 17 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phâ
1	09139008	NGUYỄN HOÀI	ANH	DH09TP				0	
2	09139252	ĐỖ CAO	CƯỜNG	DH09HH				0	
3	09138004	LÊ VĂN	DUẨN	DH09TD	1		5.6	5	6
4	09139022	NGUYỄN THANH	DUY	DH09HH				0	
5	09139026	BÙI TRẦN THÁI BÌNH	DƯƠNG	DH09HH				0	
6	09138022	LÊ THANH	ĐIỀN	DH09TD	2		5.6	5	6
7	07135088	ĐỖ TRỌNG	ĐỨC	DH08TB	1		4.9	4	9
8	07114076	ĐIỂU MINH	HẢI	DH08LN	1		3.2	3	2
9	09115014	TRẦN THÚY	HẰNG	DH09CB	1		3.2	3	2
10	09115017	LÂM THỊ ÁNH	HỒNG	DH09CB	1		5.0	5	0
11	09139067	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	DH09HH				0	
12	89154072	TRẦN DUY	KHANG	DH09OT				0	
13	09137006	PHAN BÍCH	LIỄU	DH09NL	1		10.0	10	0
14	08123085	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	DH08KE	1		6.7	6	7
15	09120044	VƯƠNG HẢI	LINH	DH09KT	1		2.7	2	7
16	09132044	VÕ THỊ	LỘT	DH09SP				0	
17	09120018	VÕ THỊ XUÂN DIỆU	MY	DH09KT	1		3.5	3	5
18	09126137	TRỊNH THỊ NHƯ	NGUYỆT	DH09SH	1		9.7	9	7

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thái Trâm

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02854

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV315 **Nhóm Thi :** Nhóm 17 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phâ
19	09139117	NGUYỄN THỊ THÚY	NHU	DH09HH				0	
20	08147147	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	DH08QR	2		5.0	5	0
21	09139141	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	DH09TP				0	
22	09126187	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	DH09SH	1		5.0	5	0
23	09130079	PHẠM VĂN	THẠCH	DH09DT	1		6.4	6	4
24	09139177	TRẦN MINH	THUẬN	DH09HH				0	
25	09120069	ĐỖ MAI CẨM	TÚ	DH09KT				0	
26	09112201	ĐỖ MINH	TÚ	DH09TY				0	
27	09139224	PHAN NGỌC	TUYỀN	DH09HH				0	
28	09120029	NGUYỄN THẾ	VĂN	DH09KT				0	

B: 14 bài; 16-18

Cán bộ coi thi 1&2

Hoàng Thị Nhu

Trần Thanh Toàn

Duyệt của Trưởng Bộ môn

ThS. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thu Trâm

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00242

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV101 **Nhóm Thi :** Nhóm 13 - Tổ 001 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09112008	TĂNG LÝ	ANH	DH09TY	01		5,5	5	5
2	09112011	VÕ THANH	BẠCH	DH09TY	01		4,3	4	3
3	09112014	VÕ ĐÌNH	CẦU	DH09TY			4,5	4	5
4	09112015	TRẦN ĐÌNH	CHÁNH	DH09TY	01		6,5	6	5
5	09112021	VÕ XUÂN	CƯỜNG	DH09TY	02		7,6	7	6
6	09112023	BÙI THỊ BÍCH	DUNG	DH09TY	2		7,8	7	8
7	09112024	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYÊN	DH09TY	02		7,2	7	2
8	09112027	LÊ CHÁNH THÁI	DƯƠNG	DH09TY	1		7,2	7	2
9	09112032	ĐỖ NGUYÊN	ĐỨC	DH09TY	1		5,5	5	5
10	09112035	BÙI NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	DH09TY	2		3,8	3	8
11	09112039	VÕ ĐÌNH	HÀ	DH09TY	1		6,2	6	2
12	09112046	NGÔ QUỐC	HOÀNG	DH09TY					
13	09112047	NGUYỄN NGỌC	HOÀNG	DH09TY	1		7,0	7	0
14	09112059	HOÀNG THẾ	HÙNG	DH09TY			7,6	7	6
15	09112053	HÀ DIỆU	HUY	DH09TY	1		5,5	5	5
16	09112058	LÊ THỊ THU	HUYỀN	DH09TY	1		7,9	7	9
17	09112061	ĐỖ THÀNH	HƯNG	DH09TY	1		7,6	7	6
18	09112064	HOÀNG THIỆN	HỮU	DH09TY	1		4,2	4	2

Cán bộ coi thi 1&2

Bùi Phi Hải

Duyệt của Trưởng Bộ môn

THS. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thái Tâm

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00242

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV101 **Nhóm Thi :** Nhóm 13 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09112066	ABDOUL	JACKY	DH09TY	1		7.6	7	6
20	09112069	NGUYỄN CÔNG	KHANH	DH09TY	1		4.9	4	9
21	09112078	CAO VĂN	LẠC	DH09TY	1		1.0	1	0
22	09112073	NGUYỄN THỊ THẢO	LAM	DH09TY	1		7.3	7	3
23	09112075	PHAN THANH	LAN	DH09TY	2		7.6	7	6
24	09112076	VÕ THỊ MỸ	LAN	DH09TY	2		8.6	8	6
25	09112077	DIỆP THỊ MỘNG	LÀNH	DH09TY	1		8.6	8	6
26	09112085	TRẦN THỊ TRÚC	LINH	DH09TY	1		7.6	7	6
27	09112091	HOÀNG THỊ	MAI	DH09TY	1		7.0	7	0
28	09112094	TRẦN NGỌC	MAI	DH09TY					
29	09112095	HOÀNG THỊ HÀ	MI	DH09TY	1		4.8	4	8
30	09112097	BÙI THIỆN	MỸ	DH09TY	1		2.5	2	5
31	09112098	NGUYỄN HỒ THÚY	NGA	DH09TY	2		10.0	10	0
32	09112102	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	DH09TY	2		1.3	1	3
33	09112104	ĐỖ THỂ	NGUYÊN	DH09TY	2		6.2	6	2
34	09112107	ĐINH HOÀNG ĐOAN	NHÃ	DH09TY	2		6.6	6	6
35	09112113	TRƯƠNG HỒNG	NHẬT	DH09TY	1		8.6	8	6
36	09112114	ĐẶNG THỊ BẢO	NHI	DH09TY	1		5.6	5	6

Cán bộ coi thi 1&2

Bùi Thị Hải

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. NGÔ HIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thảo Trâm

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00242

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV101 **Nhóm Thi :** Nhóm 13 - Tổ 001 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09112115	VÕ TUYẾT	NHUNG	DH09TY				2	
38	09112120	KIỀU VŨ	PHƯƠNG	DH09TY	1		2,5	2	5
39	09112122	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	DH09TY	1		5,5	5	5
~~40~~	~~09112125~~	~~NGUYỄN ĐÌNH VINH~~	~~QUANG~~	~~DH09TY~~					
41	09112126	PHẠM HỒNG	QUANG	DH09TY	2		7,2	7	2
42	09112132	NGUYỄN AN	SIN	DH09TY	2		8,6	8	6
43	09112133	LÝ HỒNG	SƠN	DH09TY	1		9,0	9	0
44	09112140	NGUYỄN MINH	TÀI	DH09TY	2		7,6	7	6
45	09112144	TRẦN XUÂN	TÂN	DH09TY	1		7,6	7	6
46	09112155	NGUYỄN THÀNH VĨNH	THÁI	DH09TY	1		8,6	8	6
47	09112146	NGUYỄN NGỌC	THANH	DH09TY	1		3,4	3	4
48	09112149	ĐÀM ĐÌNH	THÀNH	DH09TY	1		6,0	6	0
49	09112153	PHẠM THỊ	THẢO	DH09TY	1		2,5	2	5
50	09112156	NGUYỄN VIỆT	THẮNG	DH09TY	1		7,2	7	2
51	09112158	HUỲNH XUÂN	THẾ	DH09TY	2		8,6	8	6
52	09112163	HUỲNH VĂN	THUẬN	DH09TY	1		2,0	2	0

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00269

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV319 **Nhóm Thi :** Nhóm 17 - Tổ 002 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09145004	ĐẶNG THIÊN	ÂN	DH09BV	2		7,5	7	5
2	09145010	DƯƠNG THANH	CHÂU	DH09BV	1		2,2	2	2
3	09145011	NGUYỄN TÁ	CHÍNH	DH09BV	1		4,0	4	0
4	09145016	LÊ ĐẶNG TRÍ	DIỄN	DH09BV	1		5,5	5	5
5	09145025	LÊ MINH	ĐỨC	DH09BV	1		3,9	3	9
6	09145031	NGÔ VĂN	HẬU	DH09BV	1		2,9	2	9
7	09145034	LÊ TRUNG	HIẾU	DH09BV	1		3,3	3	3
8	09145039	TẠ THỊ ÁNH	HỌC	DH09BV	1		3,6	3	6
9	09142038	LÊ THỊ THU	HUYỀN	DH09DY					
10	09145042	NGUYỄN NGỌC	HƯNG	DH09BV	2		3,4	3	4
11	09145044	TRẦN THỊ THANH	HƯƠNG	DH09BV	1		7,6	7	6
12	09145045	ĐOÀN CAO	KẾN	DH09BV	1		2,1	2	1
13	09142044	LÊ MINH	KHANG	DH09DY					
14	09145050	NGUYỄN TÂY	KHOA	DH09BV	1		1,3	1	3
15	09145053	VÕ TUẤN	KIỆT	DH09BV	1		4,3	4	3
16	09145056	CAO THỊ MỸ	LOAN	DH09BV	1		5,6	5	6
17	09145068	BẠCH HOÀNG	NĂNG	DH09BV	1		4,2	4	2
18	09145074	TRẦN THỊ NGỌC	NHÂN	DH09BV	2		7,1	7	1

Cán bộ coi thi 1&2

Ngô Duy Linh Nguyễn Hồng Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

ThS. NGÔ HIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Thị Thái Trân

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00269

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV319 **Nhóm Thi :** Nhóm 17 - Tổ 002 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09143027	HUỲNH THỊ BÍCH	PHƯỢNG	DH09KM	1	Phượng	7.0	7	0
20	09143077	LÊ	THANH	DH09KM	1	Thanh	7.2	7	2
21	09143047	DƯƠNG HUYỀN	TRANG	DH09KM	1	Trang	6.0	6	0
22	09143035	TRỊNH THỦY	TRANG	DH09KM	1	Trang	7.2	7	2
23	09143038	LÊ THỊ TUYẾT	TRINH	DH09KM	2	Trinh	8.7	8	7
24	09142120	TRẦN MINH	TRƯỜNG	DH09DY					

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Duy Linh Nguyễn Hồng Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thái Tâm

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00270

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 17 - Tổ 003 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09161006	PHẠM THỊ HOÀNG	ÁNH	DH09TA				10	0
2	09153038	MAI HOÀNG	BẢO	DH09CD	1		5.6	5	6
3	09158081	NGUYỄN VĂN	CHÂU	DH09SK	2		6.1	6	1
4	09153041	NGUYỄN THÀNH	CHUNG	DH09CD	2		7.6	7	6
5	09159051	PHẠM LƯƠNG HOÀNG	DIỆU	DH09TM	1		2.3	2	3
6	09161032	HUỲNH NGỌC	GIANG	DH09TA	1		2.9	2	9
7	09161033	PHAN KHẮC	GIANG	DH09TA	1		4.6	4	6
8	09153048	BÙI XUÂN	HẢI	DH09CD	1		2.8	2	8
9	09161036	NGUYỄN TRUNG	HẢI	DH09TA	1		7.3	7	3
10	09153005	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HOÀI	DH09KT				10	0
11	09161053	TRẦN CHÍ	HỮU	DH09TA				10	0
12	09154026	ĐẶNG QUANG	HY	DH09OT	1		5.7	5	7
13	09161054	PHẠM ĐĂNG	KHOA	DH09TA	1		3.6	3	6
14	09161061	LÊ THỊ MỸ	LIÊN	DH09TA	1		7.3	7	3
15	09161069	TRẦN THỊ	LOAN	DH09TA	2		7.3	7	3
16	09161071	NGUYỄN TIẾN	LONG	DH09TA				10	0
17	09150063	NGUYỄN ĐĂNG	MÁN	DH09TM	2		6.2	6	2
18	09145083	HUỲNH VĂN	PHONG	DH09BV	1		4.3	4	3

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00270

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 17 - Tổ 003 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09150074	VÕ THỊ HOÀI	PHƯƠNG	DH09TM	1		5,6	5	6
20	09150075	VÕ THỊ YẾN	PHƯỢNG	DH09TM	1		9,2	9	2
21	09150076	CHÂU TRUNG	QUÂN	DH09TM	1		5,6	5	6
22	09150077	VÕ THỊ HỒNG	RẠN	DH09TM	1		7,7	7	7
23	09145092	NGUYỄN THANH	SANG	DH09BV	1		6,6	6	6
24	09150078	NGUYỄN THỊ HIỀN	SANG	DH09TM	1		5,5	5	5
25	09161128	TRẦN THỊ	SEN	DH09TA					
26	09150079	TRẦN THỊ MAI	SƯƠNG	DH09TM	1		8,5	8	5
27	09145097	TRỊNH HOÀI	TÂM	DH09BV	1		1,9	1	9
28	09154096	VÕ NGỌC	THẠCH	DH09OT	1		9,4	9	4
29	09145104	NGUYỄN PHÚ	THANH	DH09BV	1		2,1	2	1
30	09150085	HỒ THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH09TM	1		5,2	5	2
31	09150090	KHỔNG THỊ	THU	DH09TM	1		8,7	8	7
32	09145107	TỪ THỊ	THU	DH09BV	1		6,3	6	3
33	09363226	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRANG	CD09CA	2		6,5	6	5
34	09150099	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	DH09TM	1		6,1	6	1
35	09150102	TÔ THU	TRANG	DH09TM	1		9,5	9	5
36	09150103	TRẦN THANH	TRANG	DH09TM	1		5,5	5	5

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thái Trang

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00270

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 17 - Tổ 003 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
~~37~~	~~09150104~~	~~HUỲNH NGỌC THỦY~~	~~TRÂM~~	~~DH09TM~~	1		3,0	3	0
~~38~~	~~09145118~~	~~ĐỖ THỊ HUỆ~~	~~TRINH~~	~~DH09BV~~	1		7,2	7	2
~~39~~	~~09150105~~	~~KIỀU THỊ HÀ~~	~~TRINH~~	~~DH09TM~~	1		6,0	6	0
~~40~~	~~09150107~~	~~ĐẶNG MINH~~	~~TUẤN~~	~~DH09TM~~	1		3,5	3	5
~~41~~	~~09145125~~	~~ĐỖ HOÀNG~~	~~TUẤN~~	~~DH09BV~~	1		7,6	7	6
42	09150110	PHAN KIM	TUYỀN	DH09TM	2		4,0	4	0
43	09145129	TRIỆU VĂN	TỰ	DH09BV	1		3,0	3	0
44	09158076	TRẦN HỮU	VINH	DH09SK	2		7,6	7	6
45	09153084	LÊ VŨ	VŨ	DH09CD	1		6,2	6	2
46	09150113	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	DH09TM	1		6,2	6	2
47	09150115	NGUYỄN THỊ NGỌC	XUYẾN	DH09TM	2		8,0	8	0
48	09150116	NGUYỄN THANH	Ý	DH09TM	2		8,6	8	6
		Tổng số thí sinh dự thi :			43				
		Tổng số tờ :			52				

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00255

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 08 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phâ
1	09124011	NGUYỄN THỊ BÍCH	ĐÀO	DH09QL				0	
2	09124021	NGUYỄN THỊ	HIỀN	DH09QL	1		7.6	7	6
3	09124024	PHẠM TRUNG	HIẾU	DH09QL	1		7.9	7	9
4	09123047	ĐẶNG THỊ	HOA	DH09KE	2		7.1	7	1
5	09123059	TRẦN THỊ MAI	HƯƠNG	DH09KE	2		8.6	8	6
6	09124034	NGUYỄN THỊ TUYẾT	KHA	DH09QL	1		4.3	4	3
7	09124045	PHAN HUỲNH	LÊ	DH09QL	1		5.6	5	6
8	09124047	VŨ HOÀNG	LINH	DH09QL	1		7.0	7	0
9	09124050	NGUYỄN TRUNG	LỘC	DH09QL	2		5.7	5	7
10	09124057	HỒ THỊ TRÚC	NGÂN	DH09QL	1		7.0	7	0
11	09124058	TRỊNH THỊ	NGÂN	DH09QL	1		6.5	6	5
12	09124074	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	DH09QL	2		5.6	5	6
13	09124078	HỒ THANH	TÂM	DH09QL	1		5.6	5	6
14	09124086	NGUYỄN BỬU	THẠCH	DH09QL	1		6.3	6	3
15	09124081	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	THANH	DH09QL	1		7.9	7	9
16	09124084	LÊ THỊ THU	THẢO	DH09QL	2		5.7	5	7
17	09123143	VÕ THỊ THANH	THẢO	DH09KE	1		7.2	7	2
18	09123149	NGUYỄN THỊ ÁNH	THƠ	DH09KE	2		7.2	7	2

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Thu Loan

Trần Thị Thu Loan

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Thị Thảo Tâm

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00255

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 08 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phâ
19	09123153	NGUYỄN THỊ	THU	DH09KE	2		8.6	8	6
20	09123161	ĐINH THỊ THU	THỦY	DH09KE	1		8.7	8	7
21	09123156	PHAN THỊ	THỦY	DH09KE	2		7.6	7	6
22	09123163	VÕ KIM NGÂN	THỦY	DH09KE	1		7.2	7	2
23	09123165	BÙI THỊ ANH	THƯ	DH09KE	1		10.0	10	0
24	09123179	PHẠM THỊ MINH	TRANG	DH09KE	1		7.2	7	2
25	09123187	LÊ THỊ MINH	TRÍ	DH09KE	1		8.6	8	6
26	09123189	LÊ CÔNG	TUẤN	DH09KE	1		5.5	5	5
27	09123195	LÊ THỊ MỸ	TƯỜNG	DH09KE	1		5.1	5	1
28	09123299	PHẠM THỊ	VINH	DH09KE	1		2.0	2	0
29	09123201	PHẠM XUÂN	VỌNG	DH09KE	2		9.3	9	3
30	09123202	VÕ THỊ THÚY	VY	DH09KE	1		9.3	9	3
31	09123206	VŨ THỊ THANH	XUÂN	DH09KE	1		6.1	6	1
32	09123209	PHẠM TÔN HOÀNG	YẾN	DH09KE	1		7.9	7	9

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Thu Lan

Trần Thị Thu Luan

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thảo Trang

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00240

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 08 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	07146068	LÊ HỮU	ANH	DH08NK	1		4,2	4	2
2	09123005	VÕ NGUYÊN	BÁ	DH09KE	1		4,5	4	5
3	07141023	VƯƠNG QUỐC	BẢO	DH08NY	1		5,6	5	6
4	09112012	TRẦN A	BẦU	DH09TY	1		1,4	1	4
5	09112018	ĐỖ VĂN	CÔNG	DH09TY	1		7,2	7	2
6	08160038	TRẦN THỊ THU	ĐIỆP	DH08TK	1		7,6	7	6
7	09115067	HỒ THỊ	HÀ	DH09CB	1		9,0	9	0
8	08160054	NGUYỄN MINH	HÒA	DH08TK	1		8,6	8	6
9	08147078	LÊ TRÚC	HUẤN	DH08QR	1		4,7	4	7
10	07146024	BÙI THỊ	HUYỀN	DH08NK	1		4,2	4	2
11	07111058	LÊ TRUNG	KIÊN	DH08TA	1		0,7	0	7
12	08160086	TRẦN THỊ ĐĂNG	LÊ	DH08TK	1		5,5	5	5
13	09115022	TRẦN THỊ MỸ	LỆ	DH09CB	2		7,2	7	2
14	09115023	NÔNG THỊ	LINH	DH09CB	1		5,9	5	9
15	09113064	LÊ THỊ KIỀU	LOAN	DH09NH	1		7,9	7	9
16	09121006	LÊ THỊ HẰNG	NGA	DH09KT	1		6,5	6	5
17	08160118	HUỲNH THỊ MINH	NGUYỆT	DH08TK	1		7,2	7	2
18	07146033	MAI TẤN	PHONG	DH08NK	1		4,9	4	9

Cán bộ coi thi 1&2

Trần T Đoàn

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thái Tâm

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00240

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 08 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09112121	LÊ HOÀNG KHÁNH	PHƯƠNG	DH09TY	1		8,6	8	6
20	09113101	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	DH09NH	1		8,6	8	6
21	09113110	PHẠM	SANG	DH09NH	1		4,3	4	3
22	08135084	NGUYỄN VĂN TÍ	THÀNH	DH08TB	1		5,7	5	7
23	07116185	NGUYỄN HOÀNG	THĂNG	DH08NT	1		0,7	0	7
24	09115050	LÊ THỊ HOÀI	THU	DH09CB	1		8,0	8	0
25	09115052	LÊ THỊ THANH	THÚY	DH09CB	1		8,7	8	7
26	07114150	NGUYỄN NGỌC	TOÀN	DH08QR	1		2,1	2	1
27	08135102	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH08TB	1		5,6	5	6
28	09113219	DANH THỊ THÙY	TRÂM	DH09QL	1		2,6	2	6
29	09121013	ĐOÀN THỊ TUYẾT	TRINH	DH09KT	1		8,8	8	8
30	09117194	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	DH09TY	1		7,2	7	2
31	07146059	ĐINH QUANG	TUẤN	DH08NK	1		5,6	5	6
32	09113170	PHẠM QUANG	VINH	DH09NH	1		8,8	8	8

Tổng số bài 32

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thái Trang

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00258

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD205 **Nhóm Thi :** Nhóm 08 - Tổ 005 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09162014	TRẦN MỸ PHƯƠNG	DUNG	DH09GI	1		2,1	2	1
2	09363047	HỒ THỊ	DUNG	CD09CA	1		8,7	8	7
3	09363048	LÊ THỊ ANH	ĐÀO	CD09CA	1		7,1	7	1
4	09363066	BÙI THỊ HỒNG	HẠNH	CD09CA	1		5,5	5	5
5	09363067	CHU THỊ HỒNG	HẠNH	CD09CA	1		6,3	6	3
6	09363073	VÕ THỊ THÚY	HẰNG	CD09CA	1		7,9	7	9
7	09363075	ĐÀM THỊ	HIỀN	CD09CA	1		6,2	6	2
8	09363085	HUỲNH THANH	HUYỀN	CD09CA	1		2,2	2	2
9	09363106	NGUYỄN THỊ BÉ	LIỄU	CD09CA	1		5,8	5	8
10	09161080	NGUYỄN THỊ	MƠ	DH09TA	1		7,2	7	2
11	09363135	TRẦN THỊ	NHẪN	CD09CA	1		6,0	6	0
12	09363152	NGUYỄN UYÊN	PHƯƠNG	CD09CA	1		5,6	5	6
13	09363153	TRẦN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	CD09CA	1		7,9	7	9
14	09363163	NGUYỄN YẾN	QUYÊN	CD09CA	1		6,5	6	5
15	09363177	NGUYỄN MINH	THẢO	CD09CA	2		5,6	5	6
16	09363184	TRẦN THỊ	THẮM	CD09CA	1		2,9	2	9
17	09363188	BÙI THỊ MINH	THI	CD09CA	1		8,6	8	6
18	09363189	TRẦN THỊ MAI	THI	CD09CA	1		4,5	4	5

Cán bộ coi thi 1&2

Vương Hồ Vũ

Đinh Thị Thu Thảo

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thái Trân

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00258

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD205 **Nhóm Thi :** Nhóm 08 - Tổ 005 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09161153	VÕ THỊ ANH	THI	DH09TA	1		10.0	10	0
20	09363192	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	CD09CA	1		2.6	2	6
21	09363277	TRƯƠNG THỊ THU	THỦY	CD09CA	1		2.0	2	0
22	09363202	ĐINH THỊ LỆ	THỦY	CD09CA	1		3.3	3	3
23	09363718	NGUYỄN THỊ MỸ	TIÊN	CD09CA	1		5.5	5	5
24	09363221	BÙI THỊ NGỌC	TRANG	CD09CA	1		2.7	2	7
25	09363235	LÊ THỊ TUYẾT	TRINH	CD09CA	1		5.8	5	8
26	09363249	NGUYỄN THỊ	TÚ	CD09CA	1		3.4	3	4
27	09363243	NGUYỄN ANH	TUẤN	CD09CA	1		2.2	2	2
28	09363282	ĐÀO THỊ CẨM	TUYỀN	CD09CA	1		3.6	3	6
29	09363253	BÙI THỊ TÔ	UYÊN	CD09CA	1		2.9	2	9
30	09161186	PHẠM MINH TƯỜNG	VI	DH09TA	1		4.1	4	1

Cán bộ coi thi 1&2

Vương Hồ Vi

Lê Thị Thu Hòa

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Võ Thị Thảo Trân

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00257

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD204 **Nhóm Thi :** Nhóm 08 - Tổ 004

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phâ
1	09146002	NGUYỄN THỊ MỸ	AN	DH09NK			8.0	8	0
2	09161009	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	DH09TA			6.0	6	0
3	09161021	TRẦN ANH	DUY	DH09TA			4.3	4	3
4	09161022	TRỊNH KHƯƠNG	DUY	DH09TA			8.6	8	6
5	~~09150023~~	~~NGUYỄN NGỌC~~	~~GIÀU~~	~~DH09TM~~					
6	09155004	TRẦN THỊ LỆ	HẰNG	DH09KM			5.6	5	6
7	09154019	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	DH09OT			5.7	5	7
8	09161047	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HÒA	DH09TA			6.2	6	2
9	09154069	PHẠM VŨ ĐỨC	HUÂN	DH09OT			1.4	1	4
10	09156022	NGUYỄN TRẦN	HUY	DH09VT			6.4	6	4
11	09145055	VÕ THỊ NGỌC	LIỄU	DH09BV			7.3	7	3
12	09145060	ĐOÀN NHÂN	LUÂN	DH09BV			3.0	3	0
13	09145071	NGUYỄN ĐỨC	NGUYÊN	DH09BV			5.6	5	6
14	09145076	NGUYỄN THỊ KIỀU	NHI	DH09BV			7.2	7	2
15	09154034	ĐƯƠNG CÔNG	PHƯƠNG	DH09OT			5.8	5	8
16	09145088	ĐẶNG THÀNH	PHƯƠNG	DH09BV			2.7	2	7
17	09154035	TRẦN	QUANG	DH09OT			3.6	3	6
18	09145095	LÂM THỊ THANH	TÂM	DH09BV			5.6	5	6

29/34

Cán bộ coi thi 1&2

Phan Minh Hiền

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hồ Thị Thái Trang

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00257

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD204 **Nhóm Thi :** Nhóm 08 - Tổ 004

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phâ
19	09145098	LÊ THỊ MINH	TÂN	DH09BV			5,6	5	6
20	09154010	LÊ NGÂN	THÀNH	DH09OT			7,7	7	7
21	09150088	NGUYỄN HỮU HOÀNG	THÂN	DH09TM			4,6	4	6
22	09156078	NGUYỄN LƯƠNG	THIÊN	DH09VT			5,4	5	4
23	09145106	NGUYỄN NGỌC	THIỆN	DH09BV			2,3	2	3
24	09153030	PHẠM VĂN	TOÀN	DH09CD			3,6	3	6
25	09145114	NGUYỄN HOÀNG	TRANG	DH09BV			5,6	5	6
26	09154101	NGUYỄN THANH	TRIỀN	DH09OT			5,6	5	6
27	09145121	NGUYỄN BẢO	TRUNG	DH09BV			7,0	7	0
28	09153032	TRƯƠNG ANH	TUẤN	DH09CD			7,0	7	0
29	09145127	VÕ THANH	TUẤN	DH09BV			6,0	6	0
30	09156116	BÙI NGUYỄN HỒNG	VY	DH09VT			7,1	7	1

Cán bộ coi thi 1&2

Phan Minh Thiện

Duyệt của Trưởng Bộ môn

ThS. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thảo Trân

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00248

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV223 **Nhóm Thi :** Nhóm 19 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09113024	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	DH09NH	2		5.6	5	6
2	09113025	PHẠM THỊ KIM	GIÀU	DH09NH	1		7.0	7	0
3	09113027	LÊ THANH	HẢI	DH09NH					
4	09113029	HOÀNG THỊ	HẰNG	DH09NH	1		7.2	7	2
5	09113030	LÊ THỊ	HẰNG	DH09NH	1		7.0	7	0
6	09113034	HUỲNH THANH	HIỀN	DH09NH	1		7.2	7	2
7	09113035	LÊ THỊ NGỌC	HIỀN	DH09NH	1		7.2	7	2
8	09113037	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	DH09NH	1		5.6	5	6
9	09113041	PHẠM VĂN	HON	DH09NH	1		6.0	6	0
10	09113044	LÒ NGUYỄN QUỐC	HUY	DH09NH	1		6.6	6	6
11	09113053	HỒ VĂN	HƯỚNG	DH09NH	2		7.3	7	3
12	09113055	MAI MINH	KHANG	DH09NH	1		4.6	4	6
13	09113056	HOÀNG ĐỨC	KHANH	DH09NH	1		7.3	7	3
14	09113063	NGUYỄN HỒNG	LĨNH	DH09NH	1		7.0	7	0
15	09113067	NGUYỄN QUANG	LỘC	DH09NH	1		3.7	3	7
16	09113068	ĐẶNG THÀNH	LUÂN	DH09NH	1		5.8	5	8
17	09113069	NGUYỄN BÌNH	LUÂN	DH09NH	1		7.0	7	0
18	09113072	PHAN PHÚC	LỤC	DH09NH	1		4.2	4	2

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THỊ ÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00248

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV223 **Nhóm Thi :** Nhóm 19 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phâ
19	09113071	TRẦN KIM MỸ	LUYẾN	DH09NH	1		7.2	7	2
20	09113078	PHAN THỊ NGỌC	MỸ	DH09NH	1		6.5	6	5
21	09113082	ĐỖ THỊ	NGA	DH09NH	1		6.2	6	2
22	09113084	HUỲNH TRỌNG	NGHĨA	DH09NH	1		7.9	7	9
23	09113087	LÊ THỊ	NGỌC	DH09NH	1		7.0	7	0
24	09113088	PHẠM THẢO	NGUYÊN	DH09NH	2		8.6	8	6
25	09113089	PHAN NHƯ	NHÂN	DH09NH	2		7.9	7	9
26	09113090	ĐOÀN HỒNG	NHI	DH09NH	1		3.2	3	2
27	09113091	LÂM THÀNH	NHƠN	DH09NH	1		6.6	6	6
28	09113092	PHAN HỒNG	NHUNG	DH09NH	2		7.9	7	9
29	09113098	ĐẶNG BÌNH	PHÚC	DH09NH	2		7.0	7	0
30	09113102	LÊ HUỲNH HỒNG	PHƯỚC	DH09NH	1		6.3	6	3
31	09113105	LẠC HỒNG	QUÂN	DH09NH	1		5.6	5	6
32	09113117	HỒ VIỆT	TÂN	DH09NH	1		5.7	5	7
33	09113121	LÊ PHONG	THÁI	DH09NH	1		7.7	7	7
34	09113123	BÙI VÕ THU HƯƠNG	THẮM	DH09NH	1		6.0	6	0
35	09113124	TRƯƠNG CÔNG	THẮNG	DH09NH	1		4.5	4	5
36	09113125	NGUYỄN THỊ	THẮM	DH09NH	1		6.9	6	9

Cán bộ coi thi 1&2

V.Đoàn

Duyệt của Trưởng Bộ môn

ThS. NGÔ HIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Lê Thị Thái Thanh

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00248

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV223 **Nhóm Thi :** Nhóm 19 - Tổ 002

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09113133	NGUYỄN ĐẠT	THỊNH	DH09NH	1		7.9	7	9
38	09113135	TRẦN THỊ	THƠM	DH09NH	1		8.6	8	6
39	09113143	VÕ MINH	THƯ	DH09NH	1		4.0	4	0
40	09113146	LÊ HOÀNG	THƯỜNG	DH09NH	1		5.6	5	6

Cán bộ coi thi 1&2

Ng. V. Đậm

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thoa Trang

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **00256**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 08 - Tổ 003

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09130003	HOÀNG THẾ	ANH	DH09DT	1		0,7	0	7
2	09141043	LƯƠNG THỊ HOÀNG	ANH	DH09NY	1		6,0	6	0
3	09130007	NGUYỄN XUÂN	CHƯƠNG	DH09DT	1		5,6	5	6
4	09145012	VI VĂN	CƯỜNG	DH09BV	1		2,0	2	0
5	09125021	VÕ QUỐC	CƯỜNG	DH09BQ	1		7,3	7	3
6	09145014	NGUYỄN THỊ	DÀNG	DH09BV	1		7,0	7	0
7	09139032	PHẠM QUỐC	ĐẠT	DH09HH	1		6,0	6	0
~~8~~	~~09130020~~	~~BÙI VĂN~~	~~ĐOÀN~~	~~DH09DT~~				V	
9	09141010	HUỲNH THỊ HOÀNG	GIANG	DH09NY	1		3,5	3	5
10	09141127	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	HẠNH	DH09NY	1		3,4	3	4
11	09145049	LÊ PHÚ	KHÁNH	DH09BV	1		5,6	5	6
12	09145052	PHAN TÂN	KIỆT	DH09BV	1		2,6	2	6
13	09141068	CHÂU BÍCH	LIÊN	DH09NY	2		5,6	5	6
14	09141077	NGUYỄN QUỐC	NAM	DH09NY	1		5,6	5	6
15	09141022	LÊ THỊ KIM	NGÂN	DH09NY	1		6,3	6	3
16	09139108	VÕ LƯƠNG	NGHI	DH09HH	2		3,5	3	5
17	09130057	NGUYỄN THỊ	NGO	DH09DT	1		7,2	7	2
18	09139112	LIÊN THANH	NHÃ	DH09HH	1		7,6	7	6

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thị Thanh Nữ

Đức Thị Lan Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thái Trang

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00256

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 08 - Tổ 003

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09138010	NGUYỄN HOÀI	PHONG	DH09TD				10	0
20	09139138	QUÁCH MINH	PHƯỢNG	DH09HH	1	Phượng	7.0	7	0
21	09141130	LÊ ĐỨC	TÂN	DH09NY	1	Tân	6.2	6	2
22	09139166	TRẦN NGỌC	THẢO	DH09HH	2	Thảo	9.3	9	3
23	09124089	CAO TRƯỜNG	THỌ	DH09QL	2		9.3	9	3
24	09124090	NGUYỄN TẤN	THÔNG	DH09QL	1		8.6	8	6
25	09124101	NGUYỄN MINH	TIẾN	DH09QL	1		5.9	5	9
26	09124103	NGUYỄN THỊ DUNG	TRANG	DH09QL	1		7.2	7	2
27	09137047	NGUYỄN VĂN	TRẮNG	DH09NL	2		4.0	4	0
28	09130092	NGUYỄN VĂN	TUẤN	DH09DT	1		3.5	3	5
29	09141122	TRƯƠNG THỊ MỸ	ÚT	DH09NY	1		4.3	4	3
30	09139233	NGUYỄN THỊ TÚ	UYÊN	DH09HH	2		7.0	7	0
31	09124115	CHƯƠNG THIẾT	VĂN	DH09QL	1		6.2	6	2
32	09124122	NGUYỄN VĂN	VỐ	DH09QL	1		4.5	4	5

Cán bộ coi thi 1&2

Lê T. Thanh Nữ

Bài Thi: 30

Trần Thị San Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TS. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thái Trang

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00249

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 19 - Tổ 003 - E

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09123002	PHẠM MAI	ANH	DH09KE	1		6,0	6	0
2	09113210	LÝ KIM	BUỐI	DH09NH	1		4,2	4	2
3	09123006	LÊ THỊ LỆ	CẦM	DH09KE	1		5,5	5	5
4	09123008	NGUYỄN NGỌC BÍCH	CHÂU	DH09KE	1		7,7	7	7
5	09123009	NGUYỄN THỊ LAN	CHI	DH09KE	1		5,4	5	4
6	09123010	PHAN THỊ CẨM	CHI	DH09KE	1		6,1	6	1
7	09121018	HOÀNG VĂN	CỪ	DH09KT	1		6,0	6	0
8	09123011	ĐINH THỊ ÚCH	DANH	DH09KE	1		7,3	7	3
9	09123012	BÙI THỊ	DIỄM	DH09KE	2		7,9	7	9
10	09123013	PHẠM THỊ	DIỄM	DH09KE	1		6,3	6	3
11	09123014	LÊ TẤN	DIỆN	DH09KE	1		6,7	6	7
12	09123015	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	DH09KE	1		7,3	7	3
13	09123016	VŨ THỊ	DỊU	DH09KE	1		6,3	6	3
14	09123018	LÊ THỊ KIM	DUNG	DH09KE	2		9,1	9	1
15	09123019	NGUYỄN THỊ KIM	DUNG	DH09KE	1		2,2	2	2
16	09123020	PHẠM NGỌ HOÀNG	DUNG	DH09KE	1		8,0	8	0
17	09123023	CAO TIẾN	DŨNG	DH09KE	1		3,1	3	1
18	09121001	VÕ HÀN	DUY	DH09KT	1		4,6	4	6

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00249

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV225 Nhóm Thi : Nhóm 19 - Tổ 003 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09123022	ĐẶNG MỸ	DUYÊN	DH09KE	1		4.2	4	2
20	09123024	VŨ THỊ THÙY	DƯƠNG	DH09KE	1		8.6	8	6
21	09123025	THUẬN NGỌC	ĐẦY	DH09KE	1		7.0	7	0
22	09113213	LƯỢNG THỊ LONG	GIANG	DH09NH	2		7.6	7	6
23	09113189	A	GIAO	DH09NH	1		3.0	3	0
24	09123027	PHẠM THỊ NGỌC	GIÀU	DH09KE	2		6.3	6	3
25	09123029	VÕ THÁI	HÀ	DH09KE	1		5.6	5	6
26	09123032	PHAN THỊ KIỀU	HẠNH	DH09KE	2		8.0	8	0
27	09123033	TRẦ THỊ MỸ	HẠNH	DH09KE	2		8.6	8	6
28	09123034	TRỊNH THỊ MỸ	HẠNH	DH09KE	1		3.5	3	5
29	09123030	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀO	DH09KE	2		8.6	8	6
30	09123035	CHÂU THỊ MINH	HẰNG	DH09KE	1		7.7	7	7
31	09123036	HOÀNG THÚY	HẰNG	DH09KE	1		7.2	7	2
32	09123037	LÊ THỊ THANH	HẰNG	DH09KE	2		6.5	6	5
33	09123038	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HẰNG	DH09KE					
34	09120045	TRẦN THỊ YẾN	LY	DH09KT	1		5.6	5	6
35	09113215	HUỲNH THỊ KIM	LÝ	DH09NH	2		5.2	5	2
36	09113217	SƠN SÁ	PHOL	DH09NH	1		3.2	3	2

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00249

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 19 - Tổ 003 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09113200	PHILANUN	SULISON	DH09NH	1		2.5	2	5
38	09113190	CHÂU RÂM-RÍT	THI	DH09NH	1		3.0	3	0
39	09113149	TRẦN VĂN	TIỀN	DH09NH	1		9.7	9	7
40	09113150	ĐẶNG TRUNG	TIẾN	DH09NH	1		8.0	8	0
41	09113154	LƯƠNG THỊ	TRANG	DH09NH	1		7.9	7	9
42	09113156	LÊ MINH	TRÍ	DH09NH	1		1.3	1	3
43	09113157	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	DH09NH	1		4.5	4	5
44	09113159	LÊ VĂN	TUẤN	DH09NH	1		6.7	6	7
45	09113160	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH09NH					
46	09113191	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH09NH	1		5.6	5	6
47	09116187	LÝ MỘNG	TUYỀN	DH09NT	2		7.4	7	4
48	09113164	LÊ THỊ	TUYẾT	DH09NH	1		6.0	6	0
49	09113167	DƯƠNG NGỌC	TƯỜNG	DH09NH	1		9.7	9	7
50	09113169	PHẠM THỊ	VÂN	DH09NH					

Số bài : 47
Số tờ : 58
Vắng : 03

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Bích Vân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thái Thân

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00249

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV225 Nhóm Thi : Nhóm 19 - Tổ 00

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09123022	ĐẶNG MỸ	DUYÊN	DH09KE				7	
20	09123024	VŨ THỊ THÙY	DƯƠNG	DH09KE					
21	09123025	THUẬN NGỌC	ĐẤY	DH09KE					
22	09113213	LƯƠNG THỊ LONG	GIANG	DH09NH					
23	09113189	A	GIAO	DH09NH					
24	09123027	PHẠM THỊ NGỌC	GIÀU	DH09KE					
25	09123029	VÕ THÁI	HÀ	DH09KE					
26	09123032	PHAN THỊ KIỀU	HẠNH	DH09KE					
27	09123033	TRẦ THỊ MỸ	HẠNH	DH09KE					
28	09123034	TRỊNH THỊ MỸ	HẠNH	DH09KE					
29	09123030	NGUYỄN THỊ NGỌC	HẢO	DH09KE					
30	09123035	CHÂU THỊ MINH	HẰNG	DH09KE					
31	09123036	HOÀNG THÚY	HẰNG	DH09KE					
32	09123037	LÊ THỊ THANH	HẰNG	DH09KE					
33	09123038	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	HẰNG	DH09KE		9	7,3	7	3
34	09120045	TRẦN THỊ YẾN	LY	DH09KT					
35	09113215	HUỲNH THỊ KIM	LÝ	DH09NH					
36	09113217	SƠN SÁ	PHOL	DH09NH					

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Hà Thị Thái Trâm

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00241

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD301 **Nhóm Thi :** Nhóm 09 - Tổ 001

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phâ
1	09120034	THÁI MINH	CHÂU	DH09KT	1		9.6	9	6
2	09120002	NGUYỄN THỊ BÍCH	DIỄM	DH09KT	1		9.3	9	3
3	08157032	NGUYỄN THỊ MỸ	DIỄN	DH08DL	1		9.5	9	5
4	08147031	BÙI DANH	DŨNG	DH08QR	1		7.7	7	7
5	09120003	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	DH09KT	2		7.2	7	2
6	08114019	TÔ VĨNH	ĐẠT	DH08LN	1		5.6	5	6
7	09138006	TRẦN THANH BÀO	ĐỆ	DH09TD	1		6.1	6	1
8	09120036	PHẠM THỊ	ĐIỆP	DH09KT	1		9.0	9	0
9	09115010	ĐỖ THỊ	HÀ	DH09CB	1		8.2	8	2
10	09120039	TRẦN NGỌC	HÀ	DH09KT	1		5.0	5	0
11	09120006	TRẦN THỊ MỸ	HẠNH	DH09KT	1		9.3	9	3
12	09119031	HUỲNH THỊ THÚY	HẰNG	DH09CC	1		6.5	6	5
13	08146132	NGUYỄN THỊ	HỒNG	DH08NK	1		2.2	2	2
14	09125057	HUỲNH THỊ	HƠN	DH09BQ	1		9.7	9	7
15	09120008	PHAN ĐÌNH	HÙNG	DH09KT	1		6.3	6	3
16	09138030	PHẠM HẢI	HƯNG	DH09TD	1		3.6	3	6
17	09119032	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	DH09CC	1		7.9	7	9
18	09120009	TRẦN VĂN	KIỂM	DH09KT	1		3.4	3	4

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THỊ N

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00241

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD301 **Nhóm Thi :** Nhóm 09 - Tổ 001 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09120010	PHẠM THỊ TOÀN	LANH	DH09KT	2		8.7	8	7
20	09139089	LÊ KHÁNH	LINH	DH09HK	1		5.5	5	5
21	09120012	NGUYỄN TRÚC	LINH	DH09KT	1		7.9	7	9
22	09137008	NGUYỄN VŨ HOÀNG	LONG	DH09NL	1		7.1	7	1
23	09120014	TRẦN QUANG	LONG	DH09KT	2		7.2	7	2
24	09137089	LÊ TRƯỜNG ĐẠI	LỘC	DH09NL	2		5.6	5	6
25	09120046	HUỲNH NGỌC CÔNG	MINH	DH09KT	1		6.2	6	2
26	08146168	LÊ THỊ	MÙI	DH08NK	1		5.5	5	5
27	09120048	NGUYỄN THỊ	NGA	DH09KT	1		7.9	7	9
28	09120019	ĐẶNG THỊ BÍCH	NGÂN	DH09KT	2		10.0	10	0
29	09120050	TRẦN VŨ MINH	NGỌC	DH09KT	1		7.6	7	6
30	08147140	TRẦN VĂN	NGỘ	DH08QR	1		5.9	5	9
31	09115031	LƯƠNG THANH	NGÔN	DH09CB	1		7.0	7	0
32	09123099	ĐÀM THỊ THẢO	NGUYÊN	DH09KE	1		9.9	9	9
~~33~~	~~09135127~~	~~NGUYỄN NGỌC ÁNH~~	~~NGUYỆT~~	~~DH09TB~~					
34	09120021	ĐỖ THỊ THANH	NHÃ	DH09KT	1		10.0	10	0
35	08114060	LÊ THANH	NHÂN	DH08LN	2		9.1	9	1
36	09120053	HOÀNG NGUYỄN	PHÚC	DH09KT	1		8.1	8	1

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00241

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD301 **Nhóm Thi :** Nhóm 09 - Tổ 001 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09125123	TRẦN MAI	PHƯƠNG	DH09BQ	2		8.5	8	5
38	08147156	NGUYỄN PHÚ	QUỐC	DH08QR	1		2.4	2	4
39	09120052	HUỲNH MINH	TẤN	DH09KT	1		10	10	0
40	09125152	ĐOÀN THỊ MINH	THANH	DH09BQ	1		8.5	8	5
41	09125161	TRẦN THỤY NHƯ	THẢO	DH09BQ	1		7.5	7	5
42	09120024	DƯƠNG NGỌC	THẮN	DH09KT	1		8.3	8	3
43	09135057	ĐỒNG THỊ MINH	THƠ	DH09TB	1		1.5	1	5
44	09131178	NGUYỄN THỊ BÍCH	THỦY	DH09CH	1		6.7	6	7
45	08135095	TRẦN THỊ NGỌC	THÙY	DH08TB	2		0.7	0	7
46	09123157	TRẦN THANH	THÚY	DH09KE	1		9.0	9	0
47	08160155	TRẦN THỊ THU	THỦY	DH08TK	1		4.0	4	0
48	07111256	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	DH08TA	1		4.0	4	0
49	09125182	HÀ TRẦN THẢO	TRANG	DH09BQ	1		9.3	9	3
50	09123174	HUỲNH THỊ THU	TRANG	DH09KE	1		6.1	6	1
51	09120026	LÊ THỊ HUỆ	TRANG	DH09KT	1		3.6	3	6
52	09120027	VÕ THỊ THU	TRANG	DH09KT	2		6.0	6	0
53	09125189	TRƯƠNG THỊ TUYẾT	TRINH	DH09BQ	1		7.8	7	8
54	09120067	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH09KT	1		4.3	4	3

Cán bộ coi thi 1&2

Ng T Cẩm Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Bùi Đại Nghĩa

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00241

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD301 **Nhóm Thi :** Nhóm 09 - Tổ 001 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09125199	ĐỖ THỊ ÁNH	TUYẾT	DH09BQ	1		10	10	0
56	09131137	TẠ THỤC	UYÊN	DH09CH	1		4,8	4	8
57	09121016	LÊ	VŨ	DH09KT	2		5,0	5	0
58	09120031	LÊ THỊ THÚY	VY	DH09KT	1		4,5	4	5
59	08150186	LÊ VŨ TƯỜNG	VY	DH08TM	1		2,5	2	5
60	08114115	LÊ VĂN	VỸ	DH08LN	1		0,5	0	5

59 bài
69 tờ

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00268

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD303 Nhóm Thi : Nhóm 09 - Tổ 002 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09363024	TRẦN NỮ KIỀU	BẠCH	CD09CA	1		5.0	5	0
2	09363029	NGUYỄN THỊ	ĐÚP	CD09CA	1		0.0	0	0
3	09151034	DƯƠNG THỊ THU	DUNG	DH09DC	1		9.3	9	3
4	09154055	HỒ LÂN	ĐẠT	DH09OT	2		5.7	5	7
5	09363053	CAO THỊ DIỆU	ĐỨC	CD09CA	1		0.0	0	0
6	09151038	NGUYỄN THỊ HỒNG	GẤM	DH09DC	1		8.7	8	7
7	09363060	LÊ THANH	HÀ	CD09CA					
8	09363065	NGUYỄN LÊ HOÀNG	HẢI	CD09CA	2		4.2	4	2
9	09363069	LÊ THỊ	HẰNG	CD09CA					
10	09363072	VĂN THỊ THU	HẰNG	CD09CA	1		4.2	4	2
11	09363084	TRẦN MINH	HUY	CD09CA					
12	09363093	NGUYỄN THỊ DIỄM	HƯƠNG	CD09CA	1		3.9	3	9
13	09363097	DƯƠNG THÚY	KIỀU	CD09CA	1		4.3	4	3
14	09363102	TÔ VĂN	LẠC	CD09CA					
15	09161057	VŨ THANH	LAM	DH09TA	1		3.1	3	1
16	09363107	BÙI THỊ MỸ	LINH	CD09CA	1		4.9	4	9
17	09161065	NGUYỄN NGỌC	LINH	DH09TA	1		4.9	4	9
18	09141018	NGUYỄN PHÚC	LỘC	DH09MY	1		5.2	5	2

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Dương Chỏ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Bùi Đại Nghĩa

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00268

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 09 - Tổ 002 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09161078	TRẦN LƯU THANH	MAI	DH09TA	2	Thanh	7.4	7	4
20	09150064	MAI THỊ THẢO	MY	DH09TM	1	Thảo	1.5	1	5
21	~~09363123~~	~~HUỲNH THỊ KIM~~	~~NGA~~	~~CD09CA~~	1				
22	09363127	LÂM TÚ	NGÂN	CD09CA	1	Ngân	2.2	2	2
23	09151012	LÝ MỘNG	NGÂN	DH09DC	1	ngmộng	5.5	5	5
24	~~09363130~~	~~LÂM NGUYỄN HOÀNG~~	~~NGỌC~~	~~CD09CA~~					
25	~~09363133~~	~~VÕ THỊ~~	~~NGỌC~~	~~CD09CA~~	0				
26	09363134	BÙI THỊ	NHANH	CD09CA	1	Nhanh	3.2	3	2
27	09363137	BÙI THỊ CẨM	NHUNG	CD09CA	1	Nhung	7.6	7	6
28	09363141	TRƯƠNG THỊ	NHUNG	CD09CA	1	Nhung	7.2	7	2
29	09363143	NGUYỄN HUỲNH	NHƯ	CD09CA	1	Huỳnh Như	2.8	2	8
30	09162009	PHẠM THỊ	PHÉP	DH09GI	1	Phép	10.0	10	0
31	09363156	LÊ THỊ NHƯ	PHƯƠNG	CD09CA	1	Phương	5.2	5	2
32	~~09363160~~	~~NGÔ THỊ DIỄM~~	~~QUYÊN~~	~~CD09CA~~					
33	~~09363165~~	~~CAO VĂN~~	~~QUỲNH~~	~~CD09CA~~					
34	09154036	NGUYỄN NGỌC	SƠN	DH09OT	1	Sơn	5.7	5	7
35	~~09363167~~	~~DĂNG THỊ~~	~~SƯƠNG~~	~~CD09CA~~					
36	09363170	NGUYỄN THỊ	SỸ	CD09CA	1	Sỹ	4.1	4	1

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Giới

Trần Trọng Chiến

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S NGÔ THỊ ÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

Phan Đoàn Nghiêm

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00268

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 09 - Tổ 002 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09363182	ĐẶNG THỊ	THẢI	CD09CA	2		5.4	5	4
38	09142096	NGUYỄN PHƯỚC	THÀNH	DH09DY	1		8.6	8	6
39	09150084	ĐOÀN THỊ MINH	THẢO	DH09TM	2		10.0	10	0
40	09363180	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	CD09CA	1		4.3	4	3
41	09363181	PHẠM THỊ	THẢO	CD09CA	1		8.3	8	3
42	09363190	VÕ XUÂN	THI	CD09CA	1		1.0	1	0
43	09150091	BÙI THỊ THU	THỦY	DH09TM	2		7.4	7	4
44	09363204	HỒ THỊ THANH	THỦY	CD09CA					
45	09363199	LƯỜNG THỊ	THỦY	CD09CA	1		2.2	2	2
46	09150092	TRẦN HOÀNG CẨM	THỦY	DH09TM	1		8.6	8	6
47	09363213	LÂM THỊ MINH	THƯ	CD09CA	1		2.6	2	6
48	09153028	HỒ MINH	THỨC	DH09CD	1		3.2	3	2
49	09363215	NGUYỄN THU	THƯƠNG	CD09CA					
50	09150096	NGUYỄN TRẦN MINH	THƯƠNG	DH09TM	1		4.7	4	7
51	09150100	NGUYỄN THỊ THÚY	TRANG	DH09TM	1		9.6	9	6
52	09150101	PHAN THỊ THÙY	TRANG	DH09TM	1		10.0	10	0
53	09363231	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	CD09CA	1		4.2	4	2
54	09150106	NGUYỄN VĂN	TRUNG	DH09TM					

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Trọng Chính

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. NGÔ THIÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **00268**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 09 - Tổ 002 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
~~55~~	~~09363242~~	~~NGUYỄN QUỐC XUÂN~~	~~TRƯỜNG~~	~~CD09CA~~	1	[signature]	1.0	1	0
~~56~~	~~09161184~~	~~NGUYỄN MINH~~	~~TƯỜNG~~	~~DH09TA~~	[signature]	[signature]	5.8	5	8
~~57~~	~~09363252~~	~~BÙI THỊ HOÀNG~~	~~UYÊN~~	~~CD09CA~~	1				
~~58~~	~~09154106~~	~~ĐỒNG TÂN~~	~~VINH~~	~~DH09OT~~	1				
59	09150114	BÙI THỊ TƯỜNG	VY	DH09TM	[signature]	[signature]	6.7	6	7

Tổng số bài: 44

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Dương Chân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

Bùi Đại Nghĩa

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00265

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 16 - Tổ 002 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09142002	NGUYỄN DUY	AN	DH09DY	1		4.2	4	2
2	09142004	TRẦN THỊ QUỲNH	ANH	DH09DY	1		6.2	6	2
3	09142005	LÊ THỊ HẢI	ÂU	DH09DY	1		9.3	9	3
4	09142008	BÙI VĂN	DANH	DH09DY	1		6.6	6	6
5	09142009	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	DH09DY	1		8.1	8	1
6	09142011	LÊ THỊ MỸ	DIỆU	DH09DY	1		7.5	7	5
7	09142013	NGUYỄN LÊ	DUNG	DH09DY	1		8.1	8	1
8	09141052	NGÔ LÊ HẢI	DƯƠNG	DH09NY	1		4.2	4	2
9	09141057	TRẦN NGỌC	GIANG	DH09NY	1		7.2	7	2
10	09142025	TRỊNH NGUYÊN	HÀ	DH09DY	1		7.8	7	8
11	09142031	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	DH09DY	1		7.2	7	2
12	09142034	TÔN NỮ KHÁNH	HIỀN	DH09DY	1		9.2	9	2
13	09130024	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	DH09DT	1		4.1	4	1
14	09130028	NGUYỄN HOÀNG	HUÂN	DH09DT	1		6.2	6	2
15	09130029	TRẦN VŨ THANH	HUY	DH09DT	1		6.4	6	4
16	09142039	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	DH09DY	1		4.1	4	1
17	09141017	ĐẶNG QUANG	KHẢI	DH09NY	1		10.2	10	2
18	09142046	VŨ THỊ HỒNG	KHÁNH	DH09DY	1		7.5	7	5

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

Bùi Đại nghĩa

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00265

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 16 - Tổ 002 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09138032	PHẠM VĂN	KHÔI	DH09TD	1		6.5	6	5
20	09142051	VÕ THÚY	LIỄN	DH09DY	1		7.1	7	1
21	09130044	THẠCH PHƯƠNG	LỘC	DH09DT	1		4.4	4	4
22	09141129	BÙI THỊ TRÚC	MAI	DH09NY	1		5.2	5	2
23	09142060	HUỲNH THỊ TUYẾT	MƠ	DH09DY	1		4.3	4	3
24	09130054	QUÁCH MINH	NAM	DH09DT	1		6.4	6	4
25	09130055	LÊ CÔNG	NGÀ	DH09DT	1		5.3	5	3
26	09142069	NGUYỄN Ý	NHA	DH09DY	1		5.1	5	1
27	09142073	NGUYỄN VĂN	NHI	DH09DY	2		8.5	8	5
~~28~~	~~09142074~~	~~HOÀNG THỊ THÚY~~	~~NHUNG~~	~~DH09DY~~					
29	09142081	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	DH09DY	1		5.1	5	1
30	09141095	THẠCH NGỌC VINH	QUANG	DH09NY			0.4	0	4
~~31~~	~~09141114~~	~~PHẠM MINH~~	~~TIỀN~~	~~DH09NY~~					
32	09137017	PHẠM HOÀNG	TRƯỜNG	DH09NL	1		4.7	4	7
33	09139214	PHẠM MINH	TRƯỜNG	DH09HH	1		6.2	6	2
34	09125200	TRẦN THỊ	TUYẾT	DH09BQ	1		4.1	4	1

Tổng số bài: 32

Tổng số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

Bùi Đại Nghĩa

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00245

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 16 - Tổ 001 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08160009	NGUYỄN TUẤN	ANH	DH08TK				9	
2	08113012	CHU QUANG	CHIẾN	DH08NH	1		5.0	5	0
3	07112021	NGUYỄN ĐỨC	CƯỜNG	DH08TY	1		6.5	6	5
4	07116026	ĐỒNG QUỐC	DŨNG	DH08NT	1		3.0	3	0
5	08148023	NGUYỄN HỒNG	DUY	DH08DD	1		7.0	7	0
6	08160029	HUỲNH TRÍ	DƯƠNG	DH08TK	1		4.2	4	2
7	08160037	NGUYỄN VĂN THANH	ĐIỀN	DH08TK	1		7.6	7	6
8	09125041	PHAN THỊ MỸ	HẠNH	DH09BQ	1		10.0	10	0
9	08141013	ĐẶNG HỒNG	HẬU	DH08NY	1		4.8	4	8
10	08148060	TRẦN THỊ XUÂN	HOÀI	DH08DD	2		8.0	8	0
11	08150046	DƯƠNG ĐÌNH	HOÀNG	DH08TM	1		7.3	7	3
12	07116090	ĐÀO MINH	KHOA	DH08NT	1		3.7	3	7
13	07112307	HỒ TRUNG	KIÊN	DH08TY	1		5.5	5	5
14	08113076	PHÙNG THỊ	LIÊN	DH08NH	1		4.7	4	7
15	09125078	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	DH09BQ	1		7.2	7	2
16	09115024	THÁI BÌNH	LONG	DH09CB	2		9.0	9	0
17	09125094	ĐẶNG ĐÌNH TOÀN	MỸ	DH09BQ	1		5.4	5	4
18	09115032	ĐẶNG XUÂN	NGUYÊN	DH09CB	1		4.4	4	4

Cán bộ coi thi 1&2

Võ Thị Bạch Tuyết

Bùi Thị Lan Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. NGÔ THIÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

Bùi Đại Nghĩa

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00245

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 16 - Tổ 001 - Đ

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09125104	PHAN THỊ	NHÃ	DH09BQ	1		5.1	5	1
20	08112185	TRẦN VĂN	NHÂN	DH08TY	1		3.2	3	2
21	09125139	TRẦN THỊ	SEN	DH09BQ	1		8.6	8	6
22	08156073	PHẠM THANH	TÂM	DH08VT					
23	09125156	TRẦN TRÚC	THANH	DH09BQ	1		8.6	8	6
24	08168145	PHẠM LÊ PHƯƠNG	THẢO	CD08CA	1		6.2	6	2
25	09123151	LÊ THỊ MINH	THU	DH09KE	1		7.0	7	0
26	09123159	BÙI THỊ	THÚY	DH09KE	1		7.9	7	9
27	09123171	TRẦN DUY	TOÀN	DH09KE	1		10.0	10	0
28	09115058	NGUYỄN ĐỖ QUỲNH	TRANG	DH09CB	1		5.7	5	7
29	09123176	NGUYỄN THỊ THÚY	TRANG	DH09KE	1		7.7	7	7
30	08150162	LÌU NGỌC	TRÂN	DH08TM	1		5.6	5	6
31	09123188	ĐIỀU HOÀNG CHÍ	TRUNG	DH09KE	1		7.9	7	9
32	08161231	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	DH08TA	1		4.1	4	1
33	09123194	TRẦN THỊ THANH	TÚ	DH09KE	1		10.0	10	0
34	09115062	NGUYỄN QUANG	VINH	DH09CB	1		9.0	9	0

Cán bộ coi thi 1&2

Võ T Bạch Tuyết

Bùi Thị Lan Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Bùi Đại Nghĩa

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00266

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 16 - Tổ 003 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09148004	BIỆN THỊ THANH	BÌNH	DH09DD	1		5.8	5	8
2	09151006	TRẦN VĂN	HẢI	DH09DC	1		3.7	3	7
3	09151007	VŨ QUANG	HẢI	DH09DC	1		0.0	0	0
4	09150041	TRẦN DUY	KHA	DH09TM	1		6.0	6	0
5	09151047	NGUYỄN DUY	LINH	DH09DC	1		7.0	7	0
6	09153013	TRƯƠNG VĂN	LƯỢNG	DH09CD	2		9.2	9	2
7	09148098	PHAN SỸ	NGUYÊN	DH09DD	1		4.6	4	6
8	09142082	TÔ THỊ HỒNG	PHƯỢNG	DH09DY	1		7.0	7	0
9	09142083	NGUYỄN ĐĂNG	QUANG	DH09DY	1		4.6	4	6
10	09142084	TRẦN HOÀNG	QUÂN	DH09DY	1		0.0	0	0
11	09151055	TRINH THANH	QUÂN	DH09DC	1		3.0	3	0
12	09142085	ĐOÀN NGỌC PHẠM KIM	QUI	DH09DY	01		4.8	4	8
~~13~~	~~09142087~~	~~PHẠM NHẬT HOÀNG~~	~~SANG~~	~~DH09DY~~					
~~14~~	~~09151018~~	~~HỒ THỊ~~	~~SƯƠNG~~	~~DH09DC~~					
15	09142090	NGUYỄN THÀNH	TÀI	DH09DY	1		4.3	4	3
16	09142094	HOÀNG CÔNG	TẤN	DH09DY	1		4.6	4	6
17	09142101	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	DH09DY	1		9.3	9	3
18	09142103	LÊ VIẾT	THUẬN	DH09DY	1		5.1	5	1

Cán bộ coi thi 1&2

Phan thị Thuyết Hồng Ngô Thùy Mường

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Bùi Đạo Nghĩa

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00266

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 16 - Tổ 003 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09142106	HOÀNG THỊ DIU	THÚY	DH09DY	1		3.3	3	3
20	09151065	NGUYỄN NGỌC	THÚY	DH09DC	1		5.9	5	9
21	09142110	TỪ MINH	TÍN	DH09DY	1		4.0	4	0
22	09142112	NGUYỄN THỊ	TRANG	DH09DY	1		6.0	6	0
23	09142114	LỮ THỊ NGỌC	TRÂM	DH09DY	1		10.0	10	0
24	09145116	NGUYỄN THỊ THIÊN	TRIỀU	DH09BV	1		5.2	5	2
25	09151061	LƯƠNG QUỐC	TRỌNG	DH09DC	1		8.0	8	0
~~26~~	~~09145120~~	~~NGUYỄN CAO~~	~~TRỌNG~~	~~DH09BV~~					
27	09148186	LƯU XUÂN	TRƯỜNG	DH09DD	1		6.2	6	2
28	09145128	HUỲNH THỊ CẨM	TÚ	DH09BV	1		0.0	0	0
~~29~~	~~09150108~~	~~ĐỖ HOÀNG ANH~~	~~TUẤN~~	~~DH09TM~~					
~~30~~	~~09142173~~	~~TRẦN THỊ NGỌC~~	~~TUYỀN~~	~~DH09DY~~					
31	09142126	VŨ ĐÌNH	VĂN	DH09DY	1		7.3	7	3
32	09142132	TRẦN QUANG	VŨ	DH09DY	1		5.7	5	7
33	09142134	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	DH09DY	1		9.3	9	3
34	09142135	LÊ XUÂN	VỸ	DH09DY	1		5.1	5	1

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

ThS. NGÔ THIÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00267

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD204 **Nhóm Thi :** Nhóm 16 - Tổ 004 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09156001	HUỲNH QUỐC	AN	DH09VT	1		8.6	8	6
2	09154009	VƯƠNG VŨ	ĐẢNG	DH09OT	1		0.7	0	7
3	09160030	LÊ HỮU	ĐỨC	DH09TK					
4	09154066	ĐINH HỒNG	HẢI	DH09OT	2		6.1	6	1
5	09160036	NGUYỄN ĐỨC	HẢI	DH09TK	1		1.2	1	2
6	09154028	NGUYỄN VĂN	LẬP	DH09OT	1		1.7	1	7
7	09153059	PHẠM QUANG	LỘC	DH09CD	1		7.2	7	2
8	09154077	NGUYỄN VĂN	LUÂN	DH09OT	1		8.0	8	0
9	09154031	ĐỖ HÙNG	MẠNH	DH09OT	1		8.1	8	1
10	09156052	TRƯƠNG THỊ KIỀU	NHƯ	DH09VT	2		9.0	9	0
11	09154032	ĐINH TẤN	PHÁT	DH09OT	1		1.3	1	3
12	09153019	NGUYỄN AN	PHƯƠNG	DH09CD	1		8.3	8	3
13	09363162	NGUYỄN THỊ TÂN	QUYÊN	CD09CA	1		6.5	6	5
14	09161126	VÕ HÀ	SANG	DH09TA	1		8.0	8	0
15	09160117	LÊ VĂN	TÂM	DH09TK	1		1.2	1	2
16	09160119	TRỊNH MINH	TÂM	DH09TK	1		5.7	5	7
17	09156070	VÕ NGỌC	THẠCH	DH09VT	1		7.5	7	5
18	09363191	HÀN NHƯ	THIỆN	CD09CA	1		6.0	6	0

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **00267**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD204 **Nhóm Thi :** Nhóm 16 - Tổ 004 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09160141	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRÂM	DH09TK	2	[signature]	6.0	6	0
20	09363237	NGUYỄN THỊ VIỆT	TRINH	CD09CA					
21	09160156	TRẦN ANH	TUẤN	DH09TK	1	[signature]	2.7	2	7
22	09363246	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	CD09CA					
23	09154052	LƯƠNG TRỌNG	TƯỜNG	DH09OT	1	[signature]	3.1	3	1
24	09159003	VƯƠNG THỊ	VĂN	DH09TM	2	[signature]	5.4	5	4
25	09161187	NGUYỄN TUẤN	VIÊN	DH09TA	1	[signature]	5.7	5	7
26	09363262	NGUYỄN THANH	VIỆT	CD09CA	1	[signature]	0.0	0	0
27	09154053	VÕ QUỐC	VIỆT	DH09OT	1	[signature]	6.6	6	6
28	09160168	LƯƠNG THÂN	VINH	DH09TK	1	[signature]	3.0	3	0
29	09160169	NÔNG HOÀNG	VŨ	DH09TK	1	[signature]	2.0	2	0
30	09363273	VÕ THỊ PHƯƠNG	YẾN	CD09CA	1	[signature]	1.0	1	0

Số bài: 27
Số tờ: 31

Cán bộ coi thi 1&2

[signature] Nguyễn Thị Yến
[signature] Hoàng Thị Nguyên

Duyệt của Trưởng Bộ môn

[signature]
Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

[signature]
[signature]

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00244

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi C200 **Nhóm Thi :** Nhóm 15 - Tổ 001 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09123001	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	DH09KE			5.0	5	0
2	09154057	LÊ DUY	BẢO	DH09OT			3.6	3	6
3	09363023	TRẦN THÁI	BẢO	CD09CA			5.2	5	2
4	09145013	NGUYỄN T HỒNG HẠN	DA	DH09BV			2.1	2	1
5	09161017	TRẦN KIỀU	DIỄM	DH09TA			6.1	6	1
6	09120037	NGUYỄN TRỌNG	ĐỨC	DH09KT			8.0	8	0
7	09363054	BÙI THỊ	GIANG	CD09CA			3.4	3	4
8	09145027	HỒ HƯƠNG	GIANG	DH09BV					
9	09124017	NGUYỄN THỊ CHÂU	GIANG	DH09QL					
10	09363063	PHẠM THỊ THU	HÀ	CD09CA			3.7	3	7
11	08125053	PHẠM THỊ	HẠNH	DH08BQ			3.2	3	2
12	09363074	LÊ THỊ	HẬU	CD09CA			4.7	4	7
13	08157073	NGUYỄN NHO	HUÂN	DH08DL			5.1	5	1
14	09123054	LÊ THỊ THANH	HUYỀN	DH09KE			7.5	7	5
15	09363089	HỒ NGỌC	HƯƠNG	CD09CA			1.0	1	0
16	09124033	NGÔ THỊ	HƯƠNG	DH09QL					
17	09113054	VÕ THỊ THANH	HỮU	DH09NH					
18	09135110	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	KHANH	DH09TP					

Số bài 40
Số tờ 48

Cán bộ coi thi 1&2

Phan Minh Hiền

Đặng Thị Hằng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Bùi Đại Nghĩa

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00244

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi C200 **Nhóm Thi :** Nhóm 15 - Tổ 001 - t

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09363096	VÕ THỊ KIM	KHÁNH	CD09CA		Khánh	2.3	2	3
20	09363103	ĐÀO THANH	LIÊM	CD09CA					
21	09119017	PHAN THỊ	LINH	DH09CC		Linh	7.6	7	6
22	09363114	NGUYỄN CHÍ	LONG	CD09CA			1.8	1	8
23	09135034	NGUYỄN MINH	LUÂN	DH09TB					
24	09160079	TRƯƠNG THỊ HỒNG	MINH	DH09TK		Minh	6.6	6	6
25	09139102	NGUYỄN ĐỨC	MỸ	DH09TP					
26	09363122	NGUYỄN HOÀNG	NAM	CD09CA			0.0	0	0
27	09363129	PHẠM THỊ	NGÂN	CD09CA			4.5	4	5
28	09154083	PHAN NGỌC	NHẤT	DH09OT			4.5	4	5
29	09363138	NGUYỄN THỊ	NHUNG	CD09CA			1.8	1	8
30	09114105	LÊ THANH	PHONG	DH09LN			3.7	3	7
31	09157144	BÙI THỊ LINH	PHƯỢNG	DH09DL			5.8	5	8
32	09161115	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯỢNG	DH09TA			2.2	2	2
33	09363159	NGUYỄN MINH	QUÂN	CD09CA			0.1	0	1
34	09139147	PHẠM VĂN	SƠN	DH09KH					
35	09363168	LÊ THỊ	SƯƠNG	CD09CA					
36	09157164	KIM THỊ THANH	THẢO	DH09DL			5.0	5	0

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **00244**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi C200 **Nhóm Thi :** Nhóm 15 - Tổ 001 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09363176	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	CD09CA					
38	09113139	TRẦN VĂN	THUẬN	DH09NH					
39	08142175	LÊ THỊ BÍCH	THỦY	DH08DY			8.6		
40	09363207	PHẠM THỊ THU	THỦY	CD09CA			2.4		
41	09363214	LÊ THỊ KIM	THƯƠNG	CD09CA			6.1		
42	09363217	PHẠM THỊ	THƯƠNG	CD09CA			1.4		
43	09157190	TRẦN THANH	TỊNH	DH09DL			4.5		
44	09123170	TRẦN THỊ	TOAN	DH09KE			5.9		
45	09363230	TRẦN THỊ XUÂN	TRANG	CD09CA					
46	07131306	TRẦN THỊ HUYỀN	TRÂN	DH08CH					
47	09145119	NGUYỄN THỊ TÚ	TRINH	DH09BV			9.3		
48	09363238	PHẠM THỊ KIỀU	TRINH	CD09CA					
49	09148178	VÕ THÀNH	TRINH	DH09DD			8.0		
50	09154103	NGUYỄN DUY	TRUYỀN	DH09OT			4.2		
51	09139231	BÙI VĂN	TỤNG	DH09HH					
52	09363248	VŨ THỊ	TUYẾT	CD09CA			3.5		
53	09123197	NGUYỄN THỊ	VÂN	DH09KE			10.0		
54	09123199	TRẦN THỊ THANH	VÂN	DH09KE			7.9		

Cán bộ coi thi 1&2

Phan Minh Hiền

Đặng Thị Giang

Duyệt của Trưởng Bộ môn

[illegible]

Cán bộ chấm thi 1&2

Bùi Đại Nghĩa

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **00244**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi C200 **Nhóm Thi :** Nhóm 15 - Tổ 001 -

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09363261	PHẠM THỊ MINH	VIÊN	CD09CA					
56	09156113	VÕ CÔNG	VIỆN	DH09VT		Viện	8.9		
57	09112229	TRƯƠNG THẢO	VY	DH09TP					
58	09363272	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	CD09CA		[signature]	3.8		

Cán bộ coi thi 1&2

Phan Minh Thái

Đày Thị Soang

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Bùi Đại Nghĩa

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00237

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09111001	NGUYỄN THÀNH	AN	DH09CN				0	0
2	08141066	HUỲNH DIỆU KIM	ANH	DH08NY	1		3,5	3	5
3	07114002	NGUYỄN ĐÌNH	BẢO	DH08LN	1		3,9	3	9
4	08114122	HỒ HỮU	CHUNG	DH08LN	1		2,6	2	6
5	07114004	PHAN VĂN	CÔNG	DH08LN	1		3,6	3	6
6	09111005	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	DH09CN	2		7,0	7	0
7	09111008	ĐỖ VĂN	DŨNG	DH09CN	1		6,3	6	3
8	09111009	DIỆP BẢO	DƯƠNG	DH09CN	1		6,7	6	7
9	09111013	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	DH09CN	1		4,6	4	6
10	09111018	VŨ VĂN	HIỂN	DH09CN	1		6,0	6	0
11	09111022	ĐẶNG VĂN	HUYỀN	DH09CN	1		1,0	1	0
12	07111194	BÙI THỊ GIAO	LINH	DH08TA	1		0,3	0	3
13	08155003	TRỊNH XUÂN	LỢI	DH08KT	1		1,4	1	4
14	09111024	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	DH09CN	1		5,6	5	6
15	09111030	NGUYỄN QUỐC	NHẬT	DH09CN	1		2,5	2	5
16	09111034	LÊ HỮU	PHƯỚC	DH09CN	1		3,9	3	9
17	08114166	PHẠM MINH	RỐT	DH08LN	1		3,3	3	3
18	07139176	TRẦN THANH	SANG	DH08HH	2		7,7	7	7

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THỊ ÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **00237**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

n Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
	08161159	HOÀNG VĂN	SƠN	DH08TA	1		2,5	2	5
	07114045	TRẦN QUỐC	SƠN	DH08LN	2		3,7	3	7
	08161177	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	DH08TA	1		1,5	1	5
	07114051	PHAN NGUYÊN	THẮNG	DH08LN	1		2,0	2	0
	08147189	QUÁCH TRUNG	THÔNG	DH08QR	1		4,0	4	0
	08114153	PHẠM VĂN	THUẦN	DH08LN	1		3,3	3	3
	08141060	LÊ THÀNH	TRÍ	DH06NY					
	08114094	PHAN THẾ	TRUNG	DH08LN	1		2,6	2	6

Số : 24
Tờ : 27

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00252

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV319 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
	09130001	HOÀNG GIA	AN	DH09DT	2		7,0	7	0
	09123004	TRẦN THỊ VÂN	ANH	DH09KE	1		5,6	5	6
	09130004	VY VĂN	BIỂN	DH09DT	1		4,9	4	9
	09130005	LƯỜNG BÁ	CHUNG	DH09DT	2		6,7	6	7
	09130009	TRỊNH VĂN	CHƯƠNG	DH09DT	2		6,3	6	3
	09130010	HỒ VĂN	CÔNG	DH09DT	2		4,6	4	6
	09130011	PHAN PHÚ	CƯỜNG	DH09DT	1		6,3	6	3
	09130012	NGUYỄN THỊ	DIỄM	DH09DT	2		5,9	5	9
	09130013	TRẦN THỊ	DINH	DH09DT	2		7,4	7	4
	09130015	PHẠM HOÀNG	DŨ	DH09DT	2		4,6	4	6
	09130016	DƯƠNG TUẤN	DŨNG	DH09DT	1		4,4	4	4
	09113211	LƯU THỊ	DƯ	DH09KE	2		5,9	5	9
	09123050	NGUYỄN THỊ ÁNH	HỒNG	DH09KE	1		4,7	4	7
	09121003	TRƯƠNG DIỄM	HUYỀN	DH09KT	2		7,7	7	7
	09124039	ĐẶNG HOÀNG	KHƯƠNG	DH09QL					
	09111048	BÙI XUÂN	LỘC	DH09CN					
	09111035	NGUYỄN THÀNH	TÂN	DH09CN	2		5,7	5	7
	09113122	NGUYỄN NGỌC	THẠCH	DH09NH	2		6,3	6	3

Cán bộ coi thi 1&2

Võ T. Bảo Tuyết

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00252

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - **phút** Phòng thi PV319 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09123166	VÕ THỊ BÍCH	THU	DH09KE	1		8,4	8	4
20	09115054	ĐẶNG THỊ	THƯƠNG	DH09CB	1		3,6	3	6
21	09111039	PHAN ĐÌNH NINH	TIẾN	DH09CN	1		1,4	1	4
22	09111043	LÊ ANH	TRUNG	DH09CN	1		3,6	3	6
23	09111046	NGUYỄN THANH	TUẤN	DH09CN	1		1,6	1	6
24	09111047	NGUYỄN THỊ THU	TUYỀN	DH09CN	2		7,7	7	7
25	09125211	LÊ QUANG	VINH	DH09BQ	1		6,0	6	0
26	09120032	NGUYỄN THỊ	XUÂN	DH09KT	2		5,2	5	2

02

Cán bộ coi thi 1&2

VSH Bạch Tuyết

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00253

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09130106	TRẦN QUỐC	BẢO	DH09DT	1		2,8	2	8
2	09130108	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	DH09DT	1		1,3	1	3
3	09130017	ĐẶNG NAM	DŨNG	DH09DT	1		1,4	1	4
4	09130018	TRANG NGỌC	DŨNG	DH09DT	1		4,9	4	9
5	09130109	TRẦN NGỌC	DUYÊN	DH09DT	1		3,9	3	9
6	09130021	ĐOÀN HỒNG	GIÚP	DH09DT	1		3,2	3	2
7	09130022	NGUYỄN THANH	HẢI	DH09DT	1		5,6	5	6
8	09130025	ĐỖ ĐƯỜNG	HIỆP	DH09DT	1		6,0	6	0
9	09130030	DỖ MẠNH	HÙNG	DH09DT	1		2,5	2	5
10	09130031	HOÀNG MINH	HÙNG	DH09DT	1		7,0	7	0
11	09130032	ĐÀO DUY	HƯNG	DH09DT	1		4,8	4	8
12	09130033	VÕ QUỐC	HƯNG	DH09DT	1		5,3	5	3
13	09130037	NGÔ VĂN	KHẢI	DH09DT	1		1,0	1	0
14	09130035	TRẦN NGUYỄN THÁI	KHANG	DH09DT	2		9,1	9	1
15	09139084	BẠCH THỊ	KIM	DH09HH	2		6,7	6	7
16	09130038	TRẦN VĂN	LẠI	DH09DT					
17	09130115	ĐÀO THỊ NGỌC	LAN	DH09DT	1		8,4	8	4
18	09130039	LÊ TRƯỜNG MỸ	LINH	DH09DT	1		0,8	0	8

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00253

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09130040	NGUYỄN VŨ	LINH	DH09DT	1		4,6	4	6
20	09130118	NGUYỄN VĂN	LONG	DH09DT	1		4,0	4	0
21	09130042	BÙI MINH	LỘC	DH09DT	2		7,0	7	0
22	09130043	NGUYỄN THÀNH	LỘC	DH09DT	1		6,3	6	3
23	09130045	PHAN NGUYỄN	LỢI	DH09DT	1		4,6	4	6
24	09130049	BÙI TẤN	LỰC	DH09DT	1		4,9	4	9
25	09135035	NGUYỄN THỊ THIÊN	LÝ	DH09TB	1		2,2	2	2
26	09130051	THẠCH MI	NA	DH09DT	1		5,2	5	2
27	09130056	PHẠM HỮU	NGHĨA	DH09DT	1		3,5	3	5
28	09130060	HUỲNH MINH	NGÔN	DH09DT	1		7,0	7	0
29	09130062	PHẠM THỊ DIỆU	OANH	DH09DT	1		1,6	1	6
30	09130065	TRẦN CHÂU	PHI	DH09DT	1		6,6	6	6
31	09130066	NGUYỄN THẾ	PHONG	DH09DT	1		3,9	3	9
32	09130067	VÕ MINH	PHỤNG	DH09DT	1		3,8	3	8
33	09130123	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	DH09DT	2		5,6	5	6
34	09130070	VÕ LÊ HẢI	QUANG	DH09DT	1		5,6	5	6
35	09130071	BÙI MINH	QUỐC	DH09DT	2		8,0	8	0
36	09130072	ĐOÀN PHÚ	QUỲNH	DH09DT	1		0,6	0	6

Cán bộ coi thi 1&2

H T Thu Thảo

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00253

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09130073	ĐỖ THẾ	QUỲNH	DH09DT	1		3,2	3	2
38	09130126	TRẦN QUANG	TẠ	DH09DT					
39	09130075	LÊ THANH	TÂM	DH09DT	1		3,2	3	2
40	09130076	LÊ VÕ MINH	TÂM	DH09DT	2		7,3	7	3
41	09130077	NGUYỄN NGỌC	TÂN	DH09DT	2		8,7	8	7
42	09130078	LÊ NGUYÊN	THÁI	DH09DT	1		3,2	3	2
43	09130080	LƯU VĂN	THẮNG	DH09DT	1		3,1	3	1
44	09130083	TRẦN VĂN	THIỆP	DH09DT	2		5,6	5	6
45	09130085	ĐỖ TRẦN	THUẬN	DH09DT	1		5,6	5	6
46	09130087	NGUYỄN VĂN	TOÀN	DH09DT	1		2,2	2	2
47	09130090	PHAN HỮU	TRÍ	DH09DT					
48	09130098	HOÀNG TUẤN	TÚ	DH09DT					
49	09130093	THẠCH THANH	TUẤN	DH09DT	1		5,2	5	2
50	09130100	LÊ THỊ TUYẾT	VÂN	DH09DT	2		8,0	8	0
51	09135067	LÊ ANH	VŨ	DH09TB	1		3,9	3	9
52	09130133	LÊ MINH	VƯƠNG	DH09DT	1		8,0	8	0

Đạt : 48
Hủy : 57

Cán bộ coi thi 1&2

N. T. Thu Thảo

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Thị Phi

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00254

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV327 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 004 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09363012	LÝ THỊ THÚY	AN	CD09CA				0	0
2	09363014	LÊ THỊ	ANH	CD09CA	02		4,9	4	9
3	09363015	NGUYỄN HOÀNG	ANH	CD09CA	02		5,6	5	6
4	09363016	NGUYỄN THỊ HOÀNG	ANH	CD09CA				0	0
5	09363017	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	CD09CA	01		6,0	6	0
6	09363019	PHAN THỊ ĐÀO	ANH	CD09CA				0	0
7	09363026	LÊ VĂN	BẮC	CD09CA	01		4,2	4	2
8	09363028	PHAN THỊ NGỌC	BÍCH	CD09CA	01		3,6	3	6
9	09363027	PHAN THỊ NGỌC	BIỂN	CD09CA	02		4,6	4	6
10	09363030	TRƯƠNG THỊ MỘNG	CẦM	CD09CA	01		3,5	3	5
11	09363031	LÊ THỊ HỒNG	CHÂU	CD09CA	02		5,3	5	3
12	09363033	NGUYỄN THỊ DIỄM	CHÂU	CD09CA	02		4,2	4	2
13	09363036	BÙI THỊ XUÂN	DIỄM	CD09CA	01		2,5	2	5
14	09363038	PHẠM THỊ NHẬT	DIỄM	CD09CA	01		4,2	4	2
15	09363040	HUỲNH THỊ MỸ	DIỆU	CD09CA	01		4,6	4	6
16	09363042	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	CD09CA	01		3,8	3	8
17	09363043	QUÁCH THỊ	DUNG	CD09CA	01		5,0	5	0
18	09363045	TRẦN THỊ	DUYÊN	CD09CA	01		3,3	3	3

Cán bộ coi thi 1&2

Lê T.M. Thảo

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00254

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV327 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 004 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09363046	VÕ THỊ	DUYÊN	CD09CA	02		2,9	2	9
20	09161030	HUỲNH THỊ	GẤM	DH09TA	01		6,0	6	0
21	09162020	ĐỖ ĐẶNG TRƯỜNG	GIANG	DH09GI	01		3,7	3	7
22	09150022	TRƯƠNG THỊ BĂNG	GIANG	DH09TM	01		3,2	3	2
23	09363070	LÊ THỊ THÚY	HẰNG	CD09CA	01		3,9	3	9
24	09153004	NGUYỄN CÔNG	HẬU	DH09CD	01		3,8	3	8
25	09154067	LÊ MINH	HIẾU	DH09OT	01		4,9	4	9
26	09363081	TRỊNH THỊ MỸ	HOÀN	CD09CA	01		8,0	8	0
27	09153087	TRẦN THÁI	HOÀNG	DH09CD	01		4,4	4	4
28	09363091	NGÔ THỊ XUÂN	HƯƠNG	CD09CA	01		5,6	5	6
29	09363105	NGUYỄN THỊ BÍCH	LIÊN	CD09CA	01		3,6	3	6
30	09363108	ĐÀO THỊ PHI	LINH	CD09CA	01		3,6	3	6
31	09139092	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	DH09HH	01		7,2	7	2
32	09161074	NGUYỄN MINH	LUÂN	DH09TA	1		2,2	2	2
33	09150062	HUỲNH KIM	MỸ	DH09TM	1		3,6	3	6
34	09363124	NGUYỄN THỊ	NGA	CD09CA	1		2,5	2	5
35	09139109	NGUYỄN THỊ	NGHĨA	DH09HH	01		4,9	4	9
36	09161091	TỐNG HOÀNG	NGỌC	DH09TA	02		8,1	8	1

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00254

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV327 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 004 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09363140	TRẦN THỊ CẨM	NHUNG	CD09CA	1		3,7	3	7
38	09363144	BÙI PHẠM NGỌC	NỮ	CD09CA	1		4,4	4	4
39	09363147	NGUYỄN HỒ VĨNH	PHÚ	CD09CA					
40	09139127	HUỲNH HỮU	PHÚC	DH09HH					
41	09363154	VÕ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	CD09CA	1		2,9	2	9
42	09139136	LƯU THỊ	PHƯỢNG	DH09HH	1		4,9	4	9
43	09363158	TRẦN THỊ	PHƯỢNG	CD09CA	2		6,3	6	3
44	09139253	NÀNG XUÂN	QUANG	DH09HH	1		6,0	6	0
45	09153022	NGUYỄN TIẾN	QUYẾT	DH09CD	1		5,6	5	6
46	09139144	TRẦN VŨ MINH	SANG	DH09HH	1		6,3	6	3
47	09139145	NGUYỄN THỊ	SÂM	DH09HH	1		8,7	8	7
48	09161132	VÕ THANH	SƠN	DH09TA	1		6,7	6	7
49	09139149	ĐẶNG CAO	SƯƠNG	DH09HH	1		5,0	5	0
50	09363169	TRẦN THỊ THU	SƯƠNG	CD09CA	1		3,9	3	9
51	09161136	LẠI MẠNH	TÂN	DH09TA	1		6,0	6	0
52	09161147	NGUYỄN ĐÌNH	THẠCH	DH09TA	1		7,0	7	0
53	09155009	LÊ MINH	THẢO	DH09KT	2		7,0	7	0
54	09162019	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	THẢO	DH09GI	2		7,7	7	7

Cán bộ coi thi 1&2

Lê T. M-Trúc

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00254

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV327 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 004 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09363185	MAI CHIẾN	THẮNG	CD09CA	1		3,6	3	6
56	09363193	SIÊU THỊ KIM	THOA	CD09CA	1		7,0	7	0
57	09363197	NGUYỄN THỊ	THU	CD09CA	1		2,2	2	2
58	09142113	NGUYỄN THỊ THIỆN	TRÀ	DH09DY	1		3,6	3	6
59	09363283	NGUYỄN THỊ	TRANG	CD09CA	1		2,8	2	8
60	09363229	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	CD09CA	2		5,7	5	7
61	09363247	VÕ NGỌC ÁNH	TUYẾT	CD09CA	2		3,6	3	6
62	09161185	TRẦN DUY	VẠN	DH09TA	2		7,4	7	4
63	09161188	HUỲNH CÔNG	VINH	DH09TA	1		3,2	3	2
64	09363265	LÊ THỊ	XUÂN	CD09CA	1		6,0	6	0

Cán bộ coi thi 1&2

LÊ T. M. Trúc — Trần Ngọc Thạch

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Đặng Thị Đào

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00238

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09139005	PHẠM THỊ VÂN	ANH	DH09HH	2		5,9	5	9
2	09139018	DƯƠNG THỊ MỘNG	CỦA	DH09HH					
3	07119010	VŨ ĐỨC	CƯỜNG	DH08CK			0,0	0	0
4	09139024	ĐÀO MAI	DUYÊN	DH09HH					
5	08145012	ĐÀO UYÊN TRẦN	ĐA	DH08BV	2		4,4	4	4
6	09139030	HỒ TẤN	ĐẠT	DH09HH			3,9	3	9
7	09139044	NGUYỄN NGỌC THÚY	HÀ	DH09HH			3,3	3	3
8	09139054	PHẠM ĐỨC	HẬU	DH09HH			4,9	4	9
9	08141087	PHAN VĂN	HIẾN	DH08NY			5,2	5	2
10	09130026	NGUYỄN THỊ	HOA	DH09DT			5,0	5	0
11	09118006	VÕ SÁ	HOÀNG	DH09CK					
12	08145030	CHÂU THIỆN	HỘI	DH08BV			5,0	5	0
13	09112050	NGUYỄN THỊ BÍCH	HỢP	DH09TY			4,7	4	7
14	08141021	NGUYỄN ĐĂNG	HÙNG	DH08NY	2		2,8	2	8
15	09139073	PHẠM THỊ DIỄM	HƯƠNG	DH09HH					
16	09112071	TRƯƠNG ĐĂNG	KHOA	DH09TY			3,6	3	6
17	09121019	MAI NGỌC	LAN	DH09KM					
18	09139094	HÀ ĐẠI	LỘC	DH09HH			3,2	3	2

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Thị Yến Trần Trung Chữ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00238

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ên Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
9	09130048	NGUYỄN TRƯỜNG HUY	LUẬT	DH09DT			3,5	3	5
0	09112096	LÊ VƯƠNG NHẬT	MY	DH09TY			8,7	8	7
1	09123095	NGUYỄN THỊ	NGỌC	DH09KE			6,9	6	9
2	09130059	PHẠM BÁ	NGỌC	DH09DT			6,7	6	7
3	09123104	NGUYỄN THỊ MỸ	NHÂN	DH09KE			4,6	4	6
4	07153029	LÝ VĂN	PHẤN	DH08CD			5,5	5	5
5	07111224	LÊ NGỌC	PHI	DH08TA			1,7	1	7
6	09137012	THÂN THẾ	PHONG	DH09NL			1,0	1	0
7	08112209	NGUYỄN HỮU	PHÚC	DH08TY			1,4	1	4
8	08130120	NGUYỄN VĂN	QUÂN	DH08DT			4,2	4	2
9	09121009	BÙI THỊ	QUẾ	DH09KM	2		7,4	7	4
0	09130082	TRẦN BÁO	THẮNG	DH09DT			4,3	4	3
1	09123146	VŨ THỊ	THÂN	DH09KE	2		7,7	7	7
2	08143026	NGUYỄN THỊ	THÊM	DH08KM	2		4,0	4	0
3	08145089	PHẠM TUẤN	THÔNG	DH08BV				0	0
4	09123164	VÕ THỊ THU	THỦY	DH09KE	2		6,3	6	3
5	09130086	NGUYỄN DUY	THƯƠNG	DH09DT	2		4,0	4	0
6	09123172	HOÀNG THỊ THÚY	TRANG	DH09KE	2		7,7	7	7

Cán bộ coi thi 1&2

Kiểm tra Trần Trung Chín

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. NGÔ THIÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Thị Đào

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00238

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

n Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 001 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
7	09137019	VÕ PHƯỚC VINH	DH09NL			2,0	2	0

có bài : 31
có tờ : 40

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm thị yến Trần Trung Chân

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00259

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09150004	BÙI THỊ	ÁI	DH09TM	1		8,0	8	0
2	09150001	CHẾ HỒNG DUY	AN	DH09TM	2		8,0	8	0
3	09143002	PHAN THỊ VIỆT	ANH	DH09KM	2		7,0	7	0
4	09143048	PHÙNG VÕ THỊ TRÂM	ANH	DH09KM	1		7,7	7	7
5	09143049	TÔ THỊ NGỌC	ANH	DH09KM	1		6,4	6	4
6	09143003	LÊ THỊ HOA	BAN	DH09KM	2		7,3	7	3
7	09143050	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	BÌNH	DH09KM	1		6,0	6	0
8	09150006	THÁI SÁ	BÌNH	DH09TM	1		3,2	3	2
9	09143005	NGUYỄN VĂN	BRAXIN	DH09KM	2		8,3	8	3
10	09150007	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHI	DH09TM	2		8,1	8	1
11	09150008	PHAN HOÀNG THANH T	CHI	DH09TM	1		6,3	6	3
12	09143051	QUẢNG TRỌNG	CHÍNH	DH09KM	2		7,4	7	4
13	09150009	PHAN THỊ	DIỄM	DH09TM	2		8,0	8	0
14	09143007	NGUYỄN TUẤN	DŨ	DH09KM	2		4,7	4	7
15	09143054	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	DH09KM	1		4,7	4	7
16	09142015	NGUYỄN THỊ KIM	DUYÊN	DH09DY	2		6,6	6	6
17	09143008	VĂN LỘC	ĐẠT	DH09KM	2		6,7	6	7
18	09143055	TRẦN THỊ MỸ	ĐIỆP	DH09KM	1		5,1	5	1

Cán bộ coi thi 1&2

Diệp Thanh Tùng

Võ Hồ Vũ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00259

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09143058	HỒ THỊ THANH	HIỀN	DH09KM	1		5,3	5	3
20	09143092	NGUYỄN THỊ MINH	HIỀN	DH09KM	1		6,7	6	7
21	09143059	NGUYỄN THỊ ÁNH	HỒNG	DH09KM	1		8,0	8	0
22	09143013	HOÀNG THỊ	HUYỀN	DH09KM	2		5,3	5	3
23	09143015	HUỲNH THỊ YẾN	KHOA	DH09KM	2		4,9	4	9
24	09143062	DƯƠNG THỊ MỸ	LAN	DH09KM	1		3,3	3	3
25	09143016	DƯƠNG PHƯƠNG	LANH	DH09KM	2		5,0	5	0
26	09143017	HUỲNH CAO TRÚC	LINH	DH09KM	2		5,6	5	6
27	09143063	TRẦN BẢO	LINH	DH09KM	1		5,6	5	6
28	09143089	TRẦN THỊ PHƯƠNG	LINH	DH09KM	1		2,9	2	9
29	09143064	TRẦN THỊ NGỌC	LOAN	DH09KM	2		7,7	7	7
30	09143065	TRẦN NGỌC	LONG	DH09KM	2		6,0	6	0
31	09143019	NGUYỄN THỊ YẾN	LY	DH09KM	1		6,3	6	3
32	09142058	LÊ THỊ	MAI	DH09DY	1		4,3	4	3
33	09143066	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	DH09KM	1		4,2	4	2
34	09143067	BÙI THỊ	NGÂN	DH09KM	2		6,0	6	0
35	09143068	DƯƠNG THỊ THU	NGÂN	DH09KM	1		5,6	5	6
36	09139107	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	DH09HH	2		7,7	7	7

Cán bộ coi thi 1&2

Diệp Thanh Tùng

Vương Hà Vũ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Thị Dịu

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00259

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09143022	NGUYỄN THỊ THÚY	NGỌC	DH09KM	2		5,3	5	3
38	09143025	LÊ THANH	NHẬT	DH09KM	2		3,6	3	6
39	09143070	ĐẶNG THỊ HỒNG	NHO	DH09KM	2		5,3	5	3
40	09143072	KHUẤT PHƯƠNG	PHI	DH09KM	1		6,7	6	7
41	09139122	NGUYỄN THANH	PHÚ	DH09HH	1		3,9	3	9
42	09139133	ĐÀO TRẦN MỸ	PHƯƠNG	DH09HH	1		7,3	7	3
43	09143073	HỒ THỊ LAN	PHƯƠNG	DH09KM	2		8,4	8	4
44	09143074	TRẦN HOÀNG UYÊN	PHƯƠNG	DH09KM	2		7,0	7	0
45	09139139	TRẦN HOÀNG	PHƯƠNG	DH09HH	2		5,7	5	7
~~46~~	~~09143028~~	~~TRẦN NHẬT~~	~~QUANG~~	~~DH09KM~~	X				
47	09143075	NGUYỄN VĂN	SANG	DH09KM	2		7,7	7	7
48	09143029	NGUYỄN THỊ KIM	SƠN	DH09KM	2		7,0	7	0
49	09143078	NGUYỄN THỊ ĐAN	THANH	DH09KM	2		6,7	6	7
50	09139163	PHẠM TIẾN	THÀNH	DH09HH	1		1,4	1	4
51	09139164	TRẦN XUÂN	THÀNH	DH09HH	1		4,9	4	9
~~52~~	~~09142099~~	~~TRẦN HỮU~~	~~THANH~~	~~DH09DY~~	X				
53	09143031	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÔNG	DH09KM	1		5,7	5	7
54	09143079	ĐỖ THỊ	THÚY	DH09KM	1		7,0	7	0

Cán bộ coi thi 1&2

Vương Hồ Vũ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00259

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09143080	NGUYỄN THỊ	THÚY	DH09KM	1		4,2	4	2
56	09139179	ĐỒNG THỊ	THƯƠNG	DH09HH	1		3,3	3	3
57	09143032	LÊ THỊ	THƯƠNG	DH09KM	2		4,3	4	3
58	09139181	TRẦN VĂN HOÀI	THƯƠNG	DH09HH	1		3,6	3	6
59	09143082	ĐOÀN THỊ ĐOAN	TRANG	DH09KM	2		3,9	3	9
60	09139193	NGUYỄN THỊ	TRANG	DH09HH	1		6,0	6	0
61	09143083	PHẠM THỊ THANH	TRANG	DH09KM	2		3,9	3	9
62	09143037	TRẦN HOÀNG ÁI	TRÂN	DH09KM	2		5,7	5	7
63	09139201	NGUYỄN ĐÌNH	TRÍ	DH09HH	1		5,0	5	0
64	09139210	NGUYỄN B P THANH	TRÚC	DH09HH	2		8,0	8	0
65	09139230	VÕ TẤN	TÚ	DH09HH	1		2,9	2	9
66	09139218	HOÀNG QUANG	TUẤN	DH09HH	1		4,9	4	9
67	09143040	PHẠM CHÂU ANH	TUẤN	DH09KM	1		2,9	2	9
68	09143043	NGUYỄN ĐÌNH NHÃ	UYÊN	DH09KM	2		5,3	5	3
69	09139234	DƯƠNG THỊ	VÂN	DH09HH	1		6,7	6	7
70	09143084	LÊ NGUYỄN THANH	VÂN	DH09KM	1		7,1	7	1
71	09143044	NGUYỄN THỊ ÁI	VÂN	DH09KM	2		5,3	5	3
72	09143085	NGUYỄN ĐỨC	VINH	DH09KM	1		2,9	2	9

Cán bộ coi thi 1&2

Vương Hồ Cẩm

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00259

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	09139239	TRẦN THẾ	VINH	DH09HH	2		7,8	7	8
74	09143045	NGUYỄN QUANG	VŨ	DH09KM	1		3,2	3	2
75	09142133	LÊ THỊ HOÀNG	VY	DH09DY	1		4,9	4	9
76	09143087	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	DH09KM	1		6,0	6	0
77	09139248	ĐẶNG NGỌC	XUÂN	DH09HH	2		4,6	4	6

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

ThS. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00260

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD305 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 003 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
:	09150013	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	DUNG	DH09TM	1		8,0	8	0
2	09150015	PHẠM HUỲNH THANH	DUY	DH09TM	2		4,7	4	7
3	09150016	BÙI THỊ KIM	DUYÊN	DH09TM	2		5,0	5	0
4	09150018	TRẦN QUANG	ĐẠI	DH09TM	1		6,0	6	0
5	09150019	DƯƠNG QUỐC	ĐẠT	DH09TM	2		5,6	5	6
6	09150020	PHẠM THỊ	ĐOAN	DH09TM	2		6,6	6	6
7	09150025	PHẠM THỊ THU	HÀ	DH09TM	1		2,0	2	0
8	09150028	NGUYỄN MINH	HẠNH	DH09TM	1		2,9	2	9
9	09150029	LÊ THỊ	HẰNG	DH09TM	1		3,3	3	3
0	09150030	LƯƠNG THÚY	HẰNG	DH09TM	1		3,9	3	9
1	09150031	MẠNH THỊ THU	HẰNG	DH09TM	1		3,5	3	5
2	09150034	NGUYỄN THỊ	HIẾU	DH09TM	1		6,4	6	4
3	09150035	TRƯƠNG HOÀNG	HOA	DH09TM	1		4,2	4	2
4	09150036	VÕ THỊ MỸ	HÒA	DH09TM	1		8,7	8	7
5	09150037	HÀ THỊ HỒNG	HUẾ	DH09TM	2		4,6	4	6
6	09150038	NGUYỄN THỊ BÍCH	HUỆ	DH09TM	1		4,2	4	2
7	09150043	LÊ THỊ NGỌC	KHÁNH	DH09TM	2		8,4	8	4
8	09150045	TRẦN THỊ	KHUYÊN	DH09TM	1		8,4	8	4

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **00260**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD305 **Nhóm Thi :** Nhóm 06 - Tổ 003 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09150047	LÊ THỊ	LÀNH	DH09TM	2		4,2	4	2
20	09150049	ĐẶNG TRÚC	LIÊN	DH09TM	1		5,3	5	3
21	09150052	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	DH09TM	2		5,0	5	0
22	09150054	TRẦN THỊ NGỌC	LINH	DH09TM	2		6,0	6	0
23	09161067	TRƯƠNG THỊ NHẬT	LINH	DH09TA	2		7,7	7	7
24	09150057	LÊ ĐỨC	LỘC	DH09TM	2		6,7	6	7
25	09150058	ĐOÀN NGUYỄN THÀNH	LUÂN	DH09TM	1		2,2	2	2
26	09150060	BÙI THẢO	LY	DH09TM	2		7,4	7	4
27	09150063	NGUYỄN THỊ THẾ	MỸ	DH09TM	1		5,0	5	0
28	09150065	LÊ THỊ DIỆU	NGA	DH09TM	2		4,6	4	6
29	09150067	VŨ THỊ THU	NGÂN	DH09TM	2		5,3	5	3
30	09150070	LÊ THỊ THẢO	NHƯ	DH09TM	2		8,4	8	4
31	09150071	NGUYỄN TRẦN HỒNG	OANH	DH09TM	2		8,4	8	4
32	09150073	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯƠNG	DH09TM	2		7,7	7	7
33	09150097	NGUYỄN LỆ HUYỀN	TRANG	DH09TM	1		2,9	2	9

83 bài
50 tờ (51)

Cán bộ coi thi 1&2

K.CHÉ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00239

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV217 Nhóm Thi : Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09123003	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	DH09KE	1		8,6	8	6
2	08138030	ĐỖ CHÍ	BÁCH	DH08TD	1		3,1	3	1
3	09120001	NGUYỄN XUÂN	BÌNH	DH09KT	1		6,6	6	6
4	09120070	PHẠM NHẤT	DUY	DH09KT	1		5,2	5	2
5	08160039	TRẦN HUỲNH THANH	ĐOAN	DH08TK	1		3,5	3	5
6	0912302B	PHẠM THỊ THÚY	GIỀNG	DH09KE	1		7,2	7	2
7	09120004	NGUYỄN THỊ	HÀ	DH09KT	2		5,8	5	8
8	08138067	TRẦN THANH	HẢI	DH08TD	1		6,6	6	6
9	09120041	TRẦN THỊ	HẬU	DH09KT	2		7,6	7	6
10	09123044	HUỲNH THỊ THANH	HIỀN	DH09KE	1		7,9	7	9
11	09121002	PHẠM THỊ DIỆU	HIỀN	DH09KT	1		8,6	8	6
12	09123053	LÊ THỊ NGỌC	HUYỀN	DH09KE	2		7,3	7	3
13	09121020	TRIỆU THÚY	HỮU	DH09KT	1		5,3	5	3
14	09120042	TRẦN THỊ HỒNG	KIM	DH09KT	1		6,5	6	5
15	08160082	LÊ THỊ THANH	LAN	DH08TK	1		7,2	7	2
16	09123063	TRẦN THỊ PHƯƠNG	LAN	DH09KE	2		7,3	7	3
17	09123065	NGUYỄN THỊ KIM	LIÊN	DH09KE	1		9,3	9	3
18	08146162	VÕ THỊ DIỄM	LONG	DH08NK	1		5,9	5	9

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00239

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

n Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV217 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
9	09123077	LÊ THỊ TRÚC	LY	DH09KE	1		7,6	7	6
0	08130051	TRẦN CÔNG	LÝ	DH08DT	1		6,6	6	6
1	08160104	NGUYỄN NGỌC UYÊN	MINH	DH08TK	1		7,3	7	3
2	09120047	NGUYỄN THỊ HỒNG	MƠ	DH09KT	1		6,3	6	3
3	09120049	TRẦN THỊ THU	NGA	DH09KT	1		7,3	7	3
4	09120007	ĐÀO THỊ	NGHĨA	DH09KT	2		6,5	6	5
5	08160115	CAO THỊ BÍCH	NGỌC	DH08TK	1		5,9	5	9
6	09123100	ĐINH HẠNH	NGUYÊN	DH09KE	1		4,8	4	8
7	08138025	CAO MINH	NHẬT	DH08TD	1		5,9	5	9
8	09120052	TRẦN PHI	PHONG	DH09KT	1		6,6	6	6
9	09120022	LÂU TÁC	PHU	DH09KT	1		7,7	7	7
0	09120054	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	DH09KT	1		2,1	2	1
1	08114074	ĐẶNG XUÂN	SANG	DH08LN	1		2,9	2	9
2	09120023	NGUYỄN HOÀNG	SANG	DH09KT	2		5,9	5	9
3	09123127	NGUYỄN THANH	SANG	DH09KE	1		7,7	7	7
4	09123129	TRƯƠNG THỊ	SINH	DH09KE	1		6,6	6	6
5	09120058	LÊ ÁI HUYỀN	THƠ	DH09KT	1		7,9	7	9
6	08160152	LÊ THỊ	THU	DH08TK	1		4,9	4	9

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng **00239**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV217 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 001 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
	08160154	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	DH08TK	1		5,6	5	6
	09120062	NGUYỄN THỊ TRÂM	THƯƠNG	DH09KT	2		7,7	7	7
	09120065	TRẦN NGỌC THÚY	TRÂM	DH09KT	1		4,6	4	6
	09120028	TRẦN VĂN	TUYỀN	DH09KT	1		5,6	5	6
		Tổng số bài : 40							

Bài : 40
Tờ : 47

Cán bộ coi thi 1&2

N.T.T. Thảo

Ng T. Mai

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Thị Đạt

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00262

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV223 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 003 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09154001	NGUYỄN BẢO	ANH	DH09OT	2		7,9	7	9
2	09151028	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	DH09DC	2		7,3	7	3
3	09155001	PHẠM QUỐC	CƯỜNG	DH09KT	1		5,6	5	6
4	09155002	VÂN PHƯỢNG	DUNG	DH09KM	1		5,8	5	8
5	09151003	TRẦN THỊ HỒNG	DUYÊN	DH09DC	1		5,5	5	5
6	09139034	ĐỖ XUÂN	ĐỊNH	DH09HH	2		5,6	5	6
7	09154014	NGUYỄN HOÀNG	GIÀU	DH09OT	1		6,6	6	6
8	09139055	BÙI BÁO	HIẾU	DH09HH	2		4,5	4	5
9	09151043	LÊ THỊ MỸ	HỒNG	DH09DC	2		9,0	9	0
10	09141015	NGUYỄN THỊ THÚY	HỒNG	DH09NY	2		7,2	7	2
11	09154024	NGUYỄN VĂN	HÙNG	DH09OT	1		4,2	4	2
12	09154071	VÕ QUỐC	HÙNG	DH09OT	1		4,3	4	3
13	09139069	VÕ TUẤN	HÙNG	DH09HH	2		4,1	4	1
14	09139093	LÊ NGUYỄN HOÀNG BÁ	LONG	DH09HH	2		6,2	6	2
15	09154030	HỒ TẤN	LỰC	DH09OT	1		5,2	5	2
16	09161088	HUỲNH THỊ KIM	NGÂN	DH09TA	1		6,5	6	5
17	09155007	ĐẶNG HỒNG	NGỌC	DH09KT	1		4,6	4	6
18	09161094	LÊ THỊ THU	NGUYỆT	DH09TA	1		5,8	5	8

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Thị Yến Hồ Văn Cẩm Phấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00262

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV223 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09151014	BÙI THỊ VÂN	NHI	DH09DC	2		7,3	7	3
20	09139116	LÊ THỊ	NHUNG	DH09HH	1		4,2	4	2
21	09150069	LÊ THỊ CẨM	NHUNG	DH09TM	2		8,3	8	3
22	09151052	HỒ SỸ	PHONG	DH09DC	2		5,3	5	3
23	09139125	BÙI VĨNH	PHÚC	DH09HH	2		7,3	7	3
24	09141027	HOÀNG NHƯ	PHÚC	DH09NY	1		4,2	4	2
25	09161127	LÊ HOÀNG	SÂM	DH09TA	1		6,7	6	7
26	09141101	LƯƠNG CÔNG MINH	TÀI	DH09NY	1		1,3	1	3
27	09145136	TRẦN HOÀNG	THANH	DH09BV	1		3,9	3	9
28	09141107	TRẦN QUANG	THÀNH	DH09NY	1		7,7	7	7
29	09139170	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	DH09HH	1		4,9	4	9
30	09141110	NGUYỄN VĂN	THOẠI	DH09NY	1		3,5	3	5
31	09148160	NÔNG THỊ LỆ	THU	DH09DD	2		5,2	5	2
32	09148161	NGUYỄN THỊ NGỌC	THUẬN	DH09DD	2		4,9	4	9
33	09143039	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	DH09KM	1		7,3	7	3
34	09142127	PHẠM THỊ	VÂN	DH09DY	2		4,5	4	5
35	09156111	PHẠM THỊ THÚY	VÂN	DH09VT	2		5,7	5	7

35 bài
57 tờ

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Thị Yến Hà Văn Cẩm Phan

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

Đỗ Thị Đan

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00261

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 002 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09137021	VŨ KIM	ANH	DH09NL				0	
2	09139019	NGUYỄN HOÀNG	CƯƠNG	DH09HH	1		3,5	3	5
3	09130113	ĐINH CÔNG	HIẾU	DH09DT	2		5,6	5	6
4	09130114	CHU THỊ	HUYỀN	DH09DT	1		3,2	3	2
5	09130041	ĐẶNG HỮU	LONG	DH09DT	1		4,1	4	1
6	09130046	NGUYỄN CHÍNH	LUẬN	DH09DT	1		3,1	3	1
7	09130061	DƯƠNG HOÀNG	NHÃ	DH09DT	1		2,7	2	7
8	09123231	PHAN THỊ KIỀU	NHUNG	DH09KE	1		7,2	7	2
9	09130135	LÊ VĂN	PHƯƠNG	DH09DT	1		2,8	2	8
10	09132080	TRANG THỊ THANH	QUYÊN	DH09KE	1		5,3	5	3
11	09124080	LÊ VĨNH	TÂN	DH09QL	1		1,5	1	5
12	09123147	NGÔ THỊ	THOA	DH09KE	1		6,7	6	7
13	09123150	ĐỖ THỊ	THU	DH09KE	1		5,9	5	9
14	09123152	NGUYỄN THỊ	THU	DH09KE	1		8,7	8	7
15	09123160	PHẠM THANH	THỦY	DH09KE	1		7,0	7	0
16	09123162	NGUYỄN XUÂN	THỦY	DH09KE	1		4,5	4	5
17	09123155	NGUYỄN THỊ	THUYẾT	DH09KE	1		6,3	6	3
18	09123177	NGUYỄN THỊ THỤC	TRANG	DH09KE	1		3,9	3	9

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Hoài Thu

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00261

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 002 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
9	09123182	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	DH09KE	1		6,3	6	3
0	09123183	VÕ THỊ HOÀI	TRANG	DH09KE	1		5,0	5	0
1	09123186	TRẦN THỊ TUYẾT	TRINH	DH09KE	1		5,2	5	2
2	09130094	TRẦN QUỐC	TUẤN	DH09DT	1		1,4	1	4
3	09123192	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	DH09KE	1		6,3	6	3
4	09123196	HUỲNH NGỌC TƯỜNG	VÂN	DH09KE	2		9,3	9	3
5	09123203	NGUYỄN THỊ	XUÂN	DH09KE	2		5,7	5	7
6	09123207	ĐINH ĐỖ NGỌC	YẾN	DH09KE	1		5,9	5	9
7	09123208	HOÀNG THỊ	YẾN	DH09KE	1		6,6	6	6

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00263

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

n Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 004 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09363009	CAO THỊ THÚY	AN	CD09CA	1		3,7	3	7
2	09363010	ĐOÀN TRƯỜNG	AN	CD09CA	2		4,2	4	2
3	09363018	NGUYỄN THÚY QUỲNH	ANH	CD09CA	1		5,8	5	8
4	09363022	NGUYỄN QUỐC	BẢO	CD09CA	1		2,7	2	7
5	09363025	HUỲNH THỊ KIM	BẰNG	CD09CA	1		6,9	6	9
6	09363039	CAO XUÂN	DIỆU	CD09CA	1		2,8	2	8
7	09363041	LÊ THỊ XUÂN	DIỆU	CD09CA	1		5,6	5	6
8	09363049	ĐỖ THỊ THANH	ĐỆ	CD09CA	2		4,1	4	1
9	09363050	LÊ THỊ NGỌC	ĐIỆP	CD09CA	1		2,0	2	0
10	09363051	NGUYỄN THỊ	ĐIỆP	CD09CA	1		7,7	7	7
11	09363055	ĐỖ THỊ	GIANG	CD09CA	1		7,6	7	6
12	09363061	NGUYỄN THỊ	HÀ	~~CD09CA~~					
13	09363774	NGUYỄN THỊ	HÀ	CD09CA	1		6,3	6	3
14	09363071	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	CD09CA	1		3,1	3	1
15	09363275	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	CD09CA	1		5,7	5	7
16	09363088	TRỊNH THANH	HÙNG	CD09CA	1		7,2	7	2
17	09363094	VƯƠNG THỊ	HƯƠNG	CD09CA	1		3,5	3	5
18	09363112	LÊ THỊ MỸ	LINH	CD09CA	1		7,3	7	3

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIÊN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00263

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

n Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 004 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
9	09363125	HUỲNH BỘI TUYẾT	NGÂN	CD09CA	1		6,6	6	6
0	09363128	LÊ THỊ THÚY	NGÂN	CD09CA	1		2,5	2	5
1	09363142	DƯƠNG THỊ QUỲNH	NHƯ	CD09CA	1		4,1	4	1
2	09363148	HỒ HỮU	PHÚC	CD09CA	2		2,5	2	5
3	09363150	LÊ LAN	PHƯƠNG	CD09CA	2		4,3	4	3
4	09363164	PHẠM HOÀNG LỆ	QUYÊN	CD09CA	1		4,2	4	2
5	09363166	LÊ THỊ HỒNG	SEN	CD09CA	1		5,6	5	6
6	09161138	HUỲNH THỊ KIM	THANH	DH09TA	1		6,7	6	7
7	09363175	LÂM THỊ THANH	THẢO	CD09CA	1		6,3	6	3
8	09363179	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẢO	CD09CA	1		4,6	4	6
9	09161156	NGUYỄN VĂN	THÔNG	DH09TA	1		4,3	4	3
0	09363195	TRẦN THỊ	THƠ	CD09CA	1		5,2	5	2
1	09363203	GIANG THỊ HỒNG	THÚY	CD09CA	1		2,2	2	2
2	09363205	HUỲNH THỊ HỒNG	THÚY	CD09CA	1		5,6	5	6
3	09363210	HOÀNG THỊ THU	THÚY	CD09CA	1		3,5	3	5
4	09363200	VÕ THỊ THU	THÚY	CD09CA	1		6,4	6	4
5	09363219	THÂN THỊ NGỌC	TÍNH	CD09CA	1		3,2	3	2
6	09363239	TỪ THỊ THÚY	TRINH	CD09CA	1		1,5	1	5

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00263

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

n Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 07 - Tổ 004 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
7	09363240	PHẠM THỊ NHƯ	TRÚC	CD09CA	1		3,9	3	9
8	09363250	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	CD09CA	1		4,2	4	2
9	09363245	VŨ MỘNG	TUYỀN	CD09CA	1		2,2	2	2
0	09363254	NGUYỄN ĐÌNH THỤC	UYÊN	CD09CA					
1	09363259	HUỲNH THỊ TUYẾT	VÂN	CD09CA	1		4,9	4	9
2	09363267	PHẠM THỊ	XUÂN	CD09CA	1		3,2	3	2
3	09363269	KỐNG NGỌC	YẾN	CD09CA	1		4,6	4	6
4	09363270	LÊ HOÀNG	YẾN	CD09CA	1		7,2	7	2

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

TH.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00243

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - 90phút Phòng thi PV217 **Nhóm Thi :** Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 1

TT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09130002	NGUYỄN VĂN	AN	DH09DT				0	0
2	08148006	ĐỒNG KHẮC	BIÊN	DH08DD	1		8,0	8	0
3	09145008	LÊ THỊ	BÔNG	DH09BV				0	0
4	09145021	NGUYỄN HỮU	DŨNG	DH09BV				0	0
5	09132002	KIM THỤY BÍCH	DUYÊN	DH09SP	1		5,4	5	4
6	09153046	HỒ XUÂN	ĐẠO	DH09CD	1		6,8	6	8
7	09157039	ĐỖ LÊ ĐỒNG	ĐỨC	DH09DL				0	0
8	07114075	PHẠM TRƯỜNG	GIANG	DH08LN	1		5,4	5	4
9	09124018	VÕ MINH	GIÀU	DH09QL				0	0
10	08122032	TRẦN PHƯƠNG	HẢI	DH08QT	2		5,2	5	2
11	07114078	CHÂU	HẠNH	DH08LN	1		2,6	2	6
12	09111017	NGUYỄN MINH	HẠNH	DH09CN				0	0
13	09145029	HUỲNH VĂN	HÀO	DH09BV				0	0
14	09130073	NGUYỄN VĂN	HẬU	DH09DT	1		4,3	4	3
15	09148042	LÊ THỊ THANH	HOA	DH09DD	1		3,7	3	7
16	09113047	TRƯƠNG QUỐC	HUY	DH09NH				0	0
17	09154074	NGUYỄN XUÂN	KHÔI	DH09OT	1		6,3	6	3
18	09124018	NGUYỄN THỊ BÍCH	LOAN	DH09QL				0	0

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00243

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

n Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - 90phút Phòng thi PV217 **Nhóm Thi :** Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
9	09112092	NGUYỄN THỊ THANH	MAI	DH09TY				0	0
0	09130077	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	DH09NH				0	0
1	09111026	PHẠM HOÀNG	MINH	DH09CN				0	0
2	09112101	NGUYỄN TRẦN NGỌC	NGÂN	DH09TP				0	0
3	09111028	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	DH09CN				0	0
24	09123107	HOÀNG THỊ HỒNG	NHUNG	DH09KE	1		3,6	6	0
25	07114090	DANH	PHO	DH08LN	1		0,9	0	9
26	09139137	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	DH09HH				0	0
27	09135140	TRẦN THỊ PHÚ	TÀI	DH09TB				0	0
28	09135049	MAI ĐỖ MINH	TÂM	DH09TB	1		4,0	4	0
29	09154108	TRẦN HỒNG	THÁI	DH09OT	1		5,7	5	7
30	09151058	NGUYỄN QUYẾT	THẮNG	DH09DC	1		5,9	5	9
31	09154099	PHẠM HOÀNG	THẮNG	DH09OT	1		7,4	7	4
32	07114096	MÀNG DUY CÔNG	THỊNH	DH08LN	1		3,9	3	9
33	09123148	NGUYỄN THỊ	THOA	DH09KE	2		7,6	7	6
34	09112160	PHƯƠNG CẢNH	THOẠI	DH09TP				0	0
35	09123154	NGUYỄN VĂN	THUẬN	DH09KE	1		2,9	2	9
36	09123168	NGUYỄN THỊ MAI	THY	DH09KE	2		7,6	7	6

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Hồng Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00243

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

ôn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - 90phút Phòng thi PV217 **Nhóm Thi :** Nhóm 14 - Tổ 001 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
7	09123181	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	DH09KE	2	Trang	7,0	7	0
8	09139211	NGUYỄN THỊ THÚY	TRÚC	DH09HH				0	0
9	09112228	HÀ ANH	TUẤN	DH09TY				0	0
0	09123190	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	DH09KE	1		6,7	6	7
1	07114101	THẠCH THỊ KIM	TUYẾN	DH08LN	1		5,4	5	4
2	09123198	TRẦN THỊ BÍCH	VÂN	DH09KE	1	Vân	6,6	6	6
3	09123205	TRẦN THỊ HẢI	XUÂN	DH09KE	1	Xuân	7,0	7	0
4	08158193	TRẦN THỊ NHƯ	Ý	CD09CA	1		6,5	6	5
5	09123210	TRẦN HẢI	YẾN	DH09KE	1		8,3	8	3

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Hồng Minh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00271

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 14 - Tổ 002 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
	09363013	NGUYỄN HOÀNG MỸ	AN	CD09CA	1		3,2	3	2
	09363021	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	CD09CA	1		4,0	4	0
	09363032	NGUYỄN PHÚ	CHÂU	CD09CA	1		3,6	3	6
	09363068	ĐẶNG THỊ KIM	HẰNG	CD09CA					
	09363092	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	CD09CA	x				
	09363101	PHẠM THỊ THANH	LAN	CD09CA	1		4,9	4	9
	09363109	HÀNG BÁ	LINH	CD09CA					
	09363110	HUỲNH HOÀI	LINH	CD09CA	1		4,3	4	3
	09363113	NGUYỄN NGỌC MỸ	LINH	CD09CA	1		2,7	2	7
	09363120	NGUYỄN THỊ BẠCH	MAI	CD09CA	1		5,5	5	5
	09363121	LÂM THỊ TRÀ	MY	CD09CA	1		7,1	7	1
	09363126	HUỲNH HẠNH	NGÂN	CD09CA	1		2,2	2	2
	09363131	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	CD09CA	1		8,1	8	1
	09363132	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	CD09CA	1		5,2	5	2
	09363155	VŨ THỊ	PHƯƠNG	CD09CA					
	09363161	NGUYỄN THỊ KIM	QUYÊN	CD09CA	2		4,0	4	0
	09363171	TRẦN VĂN	TÀI	CD09CA					
	09363173	VÕ THỊ KIM	THANH	CD09CA	1		3,6	3	6

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2

TRƯỜNG ĐẠI NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00271

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Môn Học : Xác suất thống kê (202121) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/05/10 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV219 **Nhóm Thi :** Nhóm 14 - Tổ 002 - Đợt 1

T	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
	09363187	DU THỊ	THẾ	CD09CA	1		3,2	3	2
	09363208	TRẦN THỊ NHƯ	THỦY	CD09CA					
	09363216	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	CD09CA	1		5,2	5	2
	09363220	NGUYỄN NGỌC	TỈNH	CD09CA					
	09363227	PHẠM THỊ THÚY	TRANG	CD09CA	2		6,3	6	3
	09363233	TRẦN THỊ HUYỀN	TRÂN	CD09CA	1		4,5	4	5
	09157243	NÔNG VĂN	TRƯỜNG	DH09DL					
	09363244	NGUYỄN MẠNH	TUẤN	CD09CA	1		0,8	0	8
	09363251	ĐẶNG THỊ	TƯƠNG	CD09CA	1		4,9	4	9
	09363257	BẾ THỊ	VÂN	CD09CA	1		2,2	2	2
	09363263	HOÀNG THỊ	VUI	CD09CA	1		2,5	2	5
	09161190	TRẦN MINH	VƯƠNG	DH09TA	1		7,0	7	0

22 bài - 24 tờ

Cán bộ coi thi 1&2

L.T. Hường

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Th.S. NGÔ THIỆN

Cán bộ chấm thi 1&2